

CTY CP DƯỢC PHẨM
TIPHARCO
Số: 342/TIPHARCO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tiền Giang, ngày 20 tháng 05 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty: Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Tipharco

Mã chứng khoán: DTG

Trụ sở chính: Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.

Điện thoại: 0273.3871 817 – 0273.3872 973

Fax: 0273.3885040

Người thực hiện công bố thông tin: Lê Thị Mỹ Tiên

Địa chỉ: 498 Tổ 10B, Khu phố 1, Thái Sanh Hạnh, P.9, TP Mỹ Tho, Tiền Giang

Điện thoại: Cơ quan: 0273.3872973, Di động: 0913728988

Fax: 0273.3885040

Loại thông tin công bố:

24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco công bố thông tin:

- Cập nhật tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020 và nhiệm kỳ 2021-2025;

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin



Lê Thị Mỹ Tiên

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO



DỰ THẢO

TÀI LIỆU

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM TÀI CHÍNH 2020 VÀ NHIỆM KỲ 2021 - 2025**

Mỹ Tho, ngày 20 tháng 05 năm 2021

Tiền Giang, ngày 06 tháng 04 năm 2021

**THÔNG BÁO MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020
VÀ NHIỆM KỲ 2021-2025**

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm tài chính 2020 và nhiệm kỳ 2021 - 2025.

1. Thời gian: 08 giờ 30 phút, ngày 21 tháng 05 năm 2021

2. Địa điểm: Hội trường Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco

Lô 08, 09 CCN và TTCN Tân Mỹ Chánh, Phường 9 - TP Mỹ Tho - Tỉnh Tiền Giang

3. Nội dung Đại hội:

- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và phương hướng hoạt động SXKD năm 2021.
- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021.
- Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2020.
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020.
- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020, dự kiến năm 2021.
- Bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2025.
- Các nội dung khác (thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội).
- Thông qua Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm tài chính 2020.

4. Đăng ký tham dự đại hội:

Ngày chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông là 29/03/2021.

Để tạo điều kiện thuận tiện cho việc tổ chức Đại hội, đề nghị Quý cổ đông gửi giấy đăng ký hoặc ủy quyền về Công ty **trước ngày 10/05/2021**, theo địa chỉ sau:

Phòng Nhân sự - Hành chính Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco

Lô 08 – 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, Khu phố 4, phường 9, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang.

Điện thoại: **0273.3871817 (Lê Tấn Long)**

Các tài liệu phục vụ Đại hội được đăng trên Website của Công ty tại địa chỉ: www.tipharco.com.vn; tuy nhiên nếu Quý cổ đông không thể truy cập được, vui lòng liên hệ với Ban tổ chức Công ty để được cung cấp.

Khi tham dự đại hội, vui lòng mang theo thư mời và CMND.

Sự hiện diện của Quý cổ đông sẽ góp phần vào sự thành công của Đại hội.

Rất hân hạnh đón tiếp.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phạm Quang Bình

CTY CP DƯỢC PHẨM TIPHARCO**CHƯƠNG TRÌNH****Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020 và nhiệm kỳ 2021 - 2025**

Mỹ Tho, ngày 21 tháng 05 năm 2021

STT	NỘI DUNG
I	THỦ TỤC KHAI MẠC:
1	Đăng ký cổ đông tham dự đại hội, nhận tài liệu.
2	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.
3	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự đại hội.
4	Thông qua thể lệ làm việc.
5	Thông qua chương trình đại hội.
6	Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu.
II	NỘI DUNG ĐẠI HỘI:
1	Phát biểu khai mạc.
2	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020, nhiệm kỳ năm 2016-2020, kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ năm 2021-2025
3	Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2020, kế hoạch SXKD năm 2021 của Ban điều hành.
4	Báo cáo của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2020 và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2021-2025
5	Báo cáo kiểm toán độc lập năm 2020.
6	Thông qua tờ trình chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.
7	Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2020
8	Thông qua tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2020, dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2021.
9	Báo cáo trích chi thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2020, dự kiến trích chi thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký - Người phụ trách quản trị công ty năm 2021.
10	Báo cáo trích lập, sử dụng, hoàn nhập Quỹ Phát triển KH và CN.
11	Thông qua tờ trình bổ sung, điều chỉnh ngành nghề kinh doanh của Công ty.
12	Thông qua Tờ trình Điều lệ sửa đổi, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sửa đổi của Công ty.
13	Thông qua tờ trình Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.
14	Thông qua tờ trình miễn nhiệm TV HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2016-2020 và bầu TV HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021-2025.
15	Thông qua Quy chế bầu cử TV HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021-2025.
16	Thông qua Nghị quyết danh sách đề cử bầu TV HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2021-2025.
17	Thông qua Danh sách trích ngang ứng viên bầu vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty CPDP Tipharco nhiệm kỳ 2021-2025.
18	Báo cáo việc thẩm tra tư cách cổ đông.
19	Hướng dẫn bầu cử thành viên HĐQT, BKS.
20	Bầu cử thành viên HĐQT, BKS.

21	Ban kiểm phiếu thu Phiếu biểu quyết các vấn đề tại Đại hội.
22	Cổ đông thảo luận phát biểu ý kiến.
23	Chủ tọa Đoàn tiếp thu ý kiến.
	Nghỉ giải lao
24	Công bố kết quả bầu cử HĐQT, BKS.
25	Phiên họp đầu tiên của HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021 -2025.
	Nghỉ giải lao
26	Công bố kết quả phiên họp đầu tiên của HĐQT, BKS.
27	Thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021-2025 ra mắt ĐHĐCĐ.
28	Công bố kết quả phiếu biểu quyết các chỉ tiêu chủ yếu.
29	Ban thư ký thông qua Biên bản, Nghị quyết đại hội.
30	Chủ tọa Đoàn điều hành biểu quyết.
31	Chủ tọa Đoàn tuyên bố bế mạc đại hội.

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

THẺ LỆ LÀM VIỆC

**Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020
và nhiệm kỳ 2021-2025**

Mỹ Tho, ngày 21 tháng 05 năm 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức - hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco.

Đề ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020 và nhiệm kỳ 2021-2025 của Công ty CPDP Tipharco đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

Ban Tổ chức ĐHĐCĐ kính trình Đại hội thông qua thẻ lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội như sau:

I. NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI:

Biểu quyết thông qua các nội dung của Đại hội:

- Thông qua chương trình Đại hội, Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu.
- Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020, phương hướng hoạt động năm 2021.
- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2020, phương hướng SXKD năm 2021 của Ban điều hành.
- Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2020.
- Thông qua Báo cáo Kiểm toán độc lập năm 2020.
- Thông qua Tờ trình chọn Công ty kiểm toán năm 2021.
- Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2020.
- Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2020, dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2021.
- Thông qua Báo cáo trích chi thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2020, dự kiến trích chi thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký - Người phụ trách quản trị công ty năm 2021.



- Báo cáo trích lập và sử dụng Quỹ Phát Triển KH và CN.
- Thông qua Tờ trình về việc bổ sung, điều chỉnh ngành nghề kinh doanh của Công ty.
- Thông qua Tờ trình Điều lệ sửa đổi, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sửa đổi của Công ty.
- Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.
- Thông qua tờ trình miễn nhiệm TV HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2016-2020 và bầu TV HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021-2025.
- Bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2025.
- Thông qua Biên bản đại hội.
- Thông qua Nghị quyết Đại hội.

II. CÁC QUY ĐỊNH TẠI ĐẠI HỘI:

Đại hội đồng cổ đông được tiến hành dưới sự điều hành của Chủ tọa. Nhiệm vụ của Chủ tọa là đảm bảo Đại hội được tiến hành đúng pháp luật và phù hợp với Điều lệ của Công ty.

III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI:

1. Nguyên tắc: Tất cả các vấn đề trong chương trình của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết của tất cả cổ đông. Mỗi cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền sẽ được cấp một phiếu biểu quyết, trong đó có ghi tên, mã số biểu quyết và số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Cách biểu quyết: Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền biểu quyết một vấn đề bằng cách giơ thẻ biểu quyết theo hướng dẫn của Chủ tọa đại hội.

3. Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2025:

Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo Quy chế bầu cử đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại đại hội.

IV. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI:

1. Nguyên tắc: Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải đăng ký nội dung phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa.

2. Cách thức phát biểu: Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA

1. Điều hành đại hội theo đúng nội dung chương trình, các thể lệ làm việc đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

3. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA THƯ KÝ:

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua tại Đại hội.

2. Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU:

Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội.

Thể lệ làm việc này được trình bày trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020 và nhiệm kỳ 2021 - 2025 Công ty CPDP Tipharco và thông qua khi được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tham dự Đại hội.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Quang Bình

TỜ TRÌNH

V/v Giới thiệu danh sách Chủ tọa; Thư ký và Ban kiểm phiếu
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020
và nhiệm kỳ 2021 – 2025 Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.

Căn cứ Điều lệ Tổ chức - hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Tipharco kính trình Đại hội thông qua nhân sự Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu như sau:

I. Chủ tọa:

Ông Phạm Quang Bình Chủ tịch HĐQT

II. Thư ký:

Bà Tô Thanh Trúc

III. Ban kiểm phiếu:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng Trưởng ban
2. Bà Lê Thị Mỹ Tiên Phó ban
3. Bà Nguyễn Bảo Vi Phương Thành viên
4. Ông Trần Hoài Phương Thành viên

Kính đề nghị Đại hội cho ý kiến biểu quyết thông qua.

Trân trọng!



Phạm Quang Bình

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020,
NHIỆM KỲ NĂM 2016 – 2020
KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ NĂM 2021 - 2025**

I. TỔNG QUAN

Trong năm 2020 do ảnh hưởng của dịch Covid 19, Công ty đối mặt với rất nhiều khó khăn:

+ Quý 1/2020: Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 làm giá cả nguyên liệu đầu vào tăng cao, nguồn cung cấp không ổn định đã ảnh hưởng nhiều đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Quý 2/2020: Giãn cách xã hội do dịch bệnh Covid 19, khách hàng không mua hàng, doanh số giảm nghiêm trọng, sản xuất không nhiều.

+ Quý 3/2020: Tình hình sản xuất, kinh doanh bắt đầu phục hồi.

+ Quý 4/2020: Sản xuất, kinh doanh phát triển.

– Mặc dù sản xuất và doanh số giảm nhưng chi phí khấu hao tài sản cố định vẫn phải phân bổ đều theo quy định.

– Công ty vẫn phải chi trả tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động đảm bảo mức lương tối thiểu vùng cho người lao động.

Các nguyên nhân trên đã làm ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Do đó kết quả Doanh thu và lợi nhuận năm 2020 không đạt chỉ tiêu kế hoạch.

II. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên HĐQT:

– Năm 2020 HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco hoạt động theo điều lệ Công ty, thực hiện tốt các quy định của pháp luật về quản trị Công ty đại chúng.

– Số thành viên HĐQT là 06 (sáu) thành viên.

2. Hoạt động của HĐQT:

– HĐQT Công ty CPDP Tipharco duy trì việc họp định kỳ hàng quý, đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh mỗi quý, trao đổi các vấn đề cần giải quyết và định hướng cho kế hoạch quý sau, đồng thời đưa ra các quyết định kịp thời để quản trị công ty.



- Trong năm 2020, HĐQT đã ban hành các Nghị quyết:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	130-NQ/HĐQT	16/01/2020	V/v chi trả cổ tức tạm ứng đợt 1 năm 2019 bằng tiền.	100%
02	131/NQ/HĐQT	05/02/2020	Về việc ban hành Quy chế về chế độ làm việc của Ban kiểm soát và mối quan hệ phối hợp với HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty.	100%
03	131-NQ/HĐQT	17/3/2020	Về việc thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc (Ông Lê Văn Châu).	100%
04	133-NQ/HĐQT	11/04/2020	Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2020.	100%
05	134-NQ/HĐQT	11/04/2020	Phê duyệt kế hoạch khoán lương các bộ phận trực thuộc năm 2020.	100%
06	135-NQ/HĐQT	11/04/2020	Phê duyệt kế hoạch trích lương Công ty năm 2020.	100%
07	136-NQ/HĐQT	11/04/2020	Phê duyệt kế hoạch đầu tư bổ sung thiết bị năm 2020.	100%
08	137-NQ/HĐQT	11/04/2020	Phê duyệt kế hoạch bảo hộ lao động năm 2020.	100%
09	145-NQ/HĐQT	04/05/2020	Về việc thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc (Bà Trần Thị Tám).	100%
10	146-NQ/HĐQT	13/05/2020	Về việc thông qua việc tổ chức ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2019.	100%
11	151-NQ/HĐQT	28/05/2020	V/v Danh sách đề cử bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.	100%
12	154-NQ/HĐQT	10/06/2020	V/v chi trả cổ tức còn lại năm 2019 bằng tiền.	100%
13	157/NQ-HĐQT	22/6/2020	Phê duyệt đầu tư Hệ thống điện năng lượng mặt trời.	100%
14	156/NQ-HĐQT	24/06/2020	Về việc vay vốn, bảo lãnh, mở và thanh toán LC nhập khẩu, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Tiền Giang.	100%
15	159/NQ-HĐQT	26/06/2020	Về thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang.	100%
16	161/QĐ	31/8/2020	Về việc chấm dứt hoạt động Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Phẩm Tipharco tại Cần Thơ.	100%
17	163/NQ-HĐQT	02/10/2020	Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020. (Chọn trong danh sách các đơn vị kiểm toán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua).	100%

18	164-NQ/HĐQT	02/10/2020	Phê duyệt bán thửa đất, nhà ở tại Cần Thơ.	100%
19	165-NQ/HĐQT	06/11/2020	Phê duyệt bán thửa đất, nhà ở tại Cần Thơ. (Điều chỉnh lại bên mua).	100%
20	167-NQ/HĐQT	31/12/2020	Về việc thông qua việc miễn nhiệm, bổ nhiệm nhân sự quản lý Công ty. (Miễn nhiệm Ông Phạm Quang Bình thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/01/2021, Bổ nhiệm Bà Đặng Thị Xuân Quyên giữ chức vụ Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/01/2021).	100%
21	168-NQ/HĐQT	31/12/2020	V/v hoàn nhập quỹ Phát Triển Khoa học và công nghệ.	100%
22	166-NQ/HĐQT	31/12/2020	Về việc trích dự phòng, xử lý nợ khó đòi.	100%
23	169/QĐ-HĐQT	31/12/2020	Về việc thay đổi đại diện pháp luật Công ty.	100%

3. Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2020:

- Tổng doanh số bán ra: 244,83 tỷ đồng, giảm so với thực hiện 2019 là 16,36%.
- Trong đó: Hàng Công ty SX: 226,37 tỷ đồng, giảm so với thực hiện năm 2019 là 12,09%.
- Lợi nhuận trước thuế: 4,96 tỷ đồng, giảm so với thực hiện năm 2019 là 40,29%.
- Các khoản nộp NSNN: Thực hiện theo Luật.

III. HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT, ĐIỀU HÀNH, GIÁM SÁT GIỮA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT, CÁC KIỂM SOÁT VIÊN VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC:

– Việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc được thực hiện nhịp nhàng, hiệu quả, theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty.

– Trước những khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19, Ban Tổng Giám đốc đã cố gắng tìm nhiều giải pháp, Hội đồng quản trị luôn theo dõi, chỉ đạo kịp thời để Công ty vượt qua những khó khăn thử thách duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời điểm khó khăn nhất.

– Hội đồng quản trị giám sát, chỉ đạo việc công bố thông tin đầy đủ, minh bạch, kịp thời theo đúng quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.

IV. HOẠT ĐỘNG HĐQT NHIỆM KỲ 2016 – 2020 VÀ KẾ HOẠCH NHIỆM KỲ 2021 - 2025:

1. Nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

- Thành viên HĐQT đầu nhiệm kỳ là: 05. Trong nhiệm kỳ đã bổ sung 02 thành viên HĐQT; miễn nhiệm 01 thành viên HĐQT do nghỉ hưu.
- Thành viên Ban kiểm soát là: 03.

2. Về vốn điều lệ:

- Vốn điều lệ đầu nhiệm kỳ: 23.250.000.000đồng.
- Năm 2016 phát hành: 1.073.250 cổ phiếu (trong đó, phát hành ESOP: 116.250 cổ phiếu; phát hành riêng lẻ: 957.000 cổ phiếu).



– Năm 2018 phát hành: 2.000.000 cổ phiếu (trong đó, phát hành ESOP: 169.909 cổ phiếu; phát hành riêng lẻ: 1.474.431 cổ phiếu; phát hành cổ phiếu ra công chúng: 355.660 cổ phiếu).

– Năm 2019 phát hành cổ phiếu trả cổ tức của năm 2018: 917.678 cổ phiếu.

– Vốn điều lệ cuối nhiệm kỳ: 63.159.280.000 đồng.

3. Kết quả hoạt động SXKD:

ĐVT: Triệu đồng

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	2018	2019	2020	NK 2016-2020
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	329.378	304.435	281.772	292.716	244.828	1.453.129
	TĐ: Doanh thu hàng Công ty SX	Tr.đ	268.134	263.256	242.841	257.506	226.367	1.258.104
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	10.828	13.588	14.028	8.308	4.961	51.713
3	Đầu tư phát triển	Tr.đ	4.643	8.206	85.549	5.793	9.592	113.783
4	Chi trả cổ tức	%/năm	17	17	17	10	7,5	68,5

– Tổng doanh thu nhiệm kỳ đạt 1.453 tỷ đồng đạt 82,8 % so với KH, tăng 8,93% so với thực hiện nhiệm kỳ trước.

– Trong đó: Doanh thu hàng công ty sản xuất đạt 1.258 tỷ đồng đạt 100,23 % so với KH, tăng 48,29 % so thực hiện nhiệm kỳ trước.

– Lợi nhuận trước thuế đạt 51,7 tỷ đồng đạt 126,44 % so với KH, tăng 70,57 % so thực hiện nhiệm kỳ trước.

– Chi trả cổ tức đạt 85,63 % so với kế hoạch nhiệm kỳ, giảm 16,46% so với thực hiện nhiệm kỳ trước.

– Đầu tư phát triển đạt 113,783 tỷ đồng đạt 108,89 % so với KH, tăng 227,05 % so thực hiện nhiệm kỳ trước. (Năm 2018 hoàn thành xây dựng nhà máy dược liệu).

4. Kế hoạch SXKD nhiệm kỳ 2021 - 2025

ĐVT: triệu đồng

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	2021	2022	2023	2024	2025	NK 2021-2025
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	310.000	320.000	330.000	345.000	360.000	1.665.000
	TĐ: Doanh thu hàng Công ty SX	Tr.đ	290.000	300.000	310.000	325.000	340.000	1.565.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	8.000	11.000	12.000	13.000	14.000	58.000
3	Đầu tư phát triển	Tr.đ	8.600	8.800	9.000	9.500	10.000	45.900
4	Chi trả cổ tức	%/năm	10	12	14	16	17	69

- Tổng doanh thu KH: 1.665 tỷ đồng, tăng 14,58 % so thực hiện nhiệm kỳ trước.

Trong đó: Doanh thu hàng công ty sản xuất KH: 1.565 tỷ đồng, tăng 24,39 % so thực hiện nhiệm kỳ trước.

- Lợi nhuận trước thuế KH: 58 tỷ đồng, tăng 12,16 % so thực hiện nhiệm kỳ trước.

- Các khoản ngân sách thực hiện theo Luật thuế.

- Chi trả cổ tức dự kiến đạt 100,7% so với nhiệm kỳ trước.

- Đầu tư phát triển 45,9 tỷ đồng, giảm 59,66 % so thực hiện nhiệm kỳ trước.

Trên cơ sở phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và nhiệm kỳ 2016 - 2020, tình hình thuận lợi, khó khăn những tháng đầu năm 2021; HĐQT lập kế hoạch, chủ trương, chính sách định hướng cho hoạt động năm 2021 và nhiệm kỳ 2021 – 2025:

- Tập trung công tác quản trị, giám sát và chỉ đạo kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban điều hành để thực hiện đạt các chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm tài chính 2020 và nhiệm kỳ 2021 - 2025.

- HĐQT tổ chức các phiên họp định kỳ hàng quý để nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh, những thuận lợi, khó khăn của công ty, từ đó HĐQT kịp thời định hướng cho kế hoạch sản xuất kinh doanh của Ban điều hành và có ý kiến đóng góp việc điều hành trong các quý tiếp theo.

- Ngoài ra, HĐQT sẽ tổ chức các phiên họp bất thường (nếu có) để giải quyết, xử lý các phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT; theo đề nghị của Ban điều hành, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

HĐQT xin báo cáo những công việc thuộc HĐQT đã thực hiện trong năm 2020, nhiệm kỳ 2016 – 2020 và kế hoạch hoạt động trong năm 2021, nhiệm kỳ 2021 – 2025 của HĐQT công ty.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;

- Ban TGD;

- Quý cổ đông;

- Lưu: Thư ký HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phạm Quang Bình

BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2019, Nghị quyết Hội nghị người lao động năm 2020 của Công ty Cổ phần Dược phẩm (CPDP) Tipharco.

Công ty CPDP Tipharco báo cáo tổng kết tình hình sản xuất kinh doanh năm 2020, phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2021 làm cơ sở trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020 như sau:

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN SXKD NĂM 2020:

I. Đặc điểm tình hình:

1. Khó khăn:

Từ đầu năm 2020 tình hình kinh tế trong nước và thế giới không ổn định, tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh dược phẩm gặp rất nhiều khó khăn:

- Do ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19, giá cả nguyên vật liệu biến động mạnh, có lúc tăng đột biến do nguồn cung ứng bị gián đoạn, đồng thời với việc phải mua nguyên liệu đúng nguồn đăng ký theo quy định của Cục Quản lý dược làm cho việc đáp ứng nguyên liệu sản xuất gặp nhiều khó khăn.

- Do giá nguyên liệu không ổn định nên giá thành sản phẩm thay đổi liên tục ảnh hưởng đến thị trường tiêu thụ. Bên cạnh đó, giai đoạn bùng phát dịch giãn cách xã hội cũng đã làm cho sức mua giảm mạnh.

- Cạnh tranh trong đấu thầu cung ứng thuốc cho khôi điều trị giữa các doanh nghiệp trong nước rất gay gắt, giá phải giảm liên tục để có thể trúng thầu nên lợi nhuận ngày càng giảm. Việc nhận hàng của các bệnh viện hạn chế, không theo số lượng phân bổ, không ổn định, thường tập trung khi gần hết thầu nên đã ảnh hưởng đến việc cung ứng thuốc của công ty cho khôi điều trị và khách hàng OTC.

- Do việc đình trệ cấp số đăng ký của CQLD nên một số sản phẩm chủ lực chưa được cấp số đăng ký hoặc chậm được gia hạn số đăng ký ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh và việc tham gia đấu thầu.

- Việc bán lẻ thực hiện theo quy định kết nối phần mềm nhưng chưa thực hiện đồng bộ, gây tâm lý e ngại đối với các nhà thuốc làm cho doanh số bán lẻ giảm.



- Tình trạng hàng giả cũng làm ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

- Ngoài ra, tiền lương tối thiểu vùng Nhà nước điều chỉnh tăng từ ngày 01/01/2020 nên tiền lương, các khoản bảo hiểm xã hội tăng cùng với việc tiếp tục khấu hao nhà máy dược liệu, chi phí lãi vay đầu tư cũng cao, làm ảnh hưởng đến các chi phí sản xuất kinh doanh của công ty.

- Các sản phẩm thông thường trúng thầu giá thấp, thời gian dài, phải bảo lãnh dự thầu, nợ khối điều trị và một số công ty cao, kéo dài,... làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

2. Thuận lợi:

- Được sự hỗ trợ của UBND tỉnh, các ngành, các đối tác, đặc biệt là sự chấp nhận của thị trường, khối điều trị trong cả nước đối với các sản phẩm của Tipharco sản xuất.

- Sự đồng thuận của HĐQT, sự điều hành linh hoạt thống nhất của Ban Tổng Giám đốc và sự đoàn kết, phấn đấu của toàn thể CBNV nhằm khắc phục khó khăn, phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 do Đại hội cổ đông thường niên và Hội nghị người lao động thông qua.

II. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:

1. Các chỉ tiêu SXKD chủ yếu năm 2020:

- Các chỉ tiêu thực hiện so với kế hoạch:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ % so KH
1	Tổng doanh thu	Triệu.đ	310.000	244.828	78,98%
	TĐ: Doanh thu sản xuất	Triệu.đ	290.000	226.367	78,06%
2	Các khoản nộp NSNN	Triệu.đ		2.181	
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu.đ	10.000	4.961	49,61%
4	Thu nhập b/q người LĐ	1.000 đ	7.500	7.137	95,16%

2. Những công việc thực hiện được ở các lĩnh vực:

2.1. Về kinh doanh:

- Củng cố thị trường trong tỉnh, mở rộng thị trường các khu vực và các tỉnh lân cận, thông qua hệ thống các công ty đưa sản phẩm vào chuỗi nhà thuốc, vào khối điều trị khắp cả nước.

- Xây dựng chương trình khuyến mãi, chăm sóc khách hàng thiết thực và được khách hàng đồng hành, gắn bó.

- Cải tiến nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, duy trì hệ thống bán buôn, bán lẻ đạt tiêu chuẩn GDP, GPP theo quy định của Ngành y tế.

- Xây dựng thương hiệu thông qua việc phối hợp với tạp chí thương hiệu Việt.

2.2. Về sản xuất:

- Sắp xếp, bố trí, cơ cấu các nhà máy sản xuất phù hợp và có hiệu quả, tăng năng suất lao động, tiết kiệm.

- Cải tiến các mẫu mã, quy trình sản xuất, không ngừng nghiên cứu nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới đặc trị, các sản phẩm có nguồn gốc dược liệu trong nước.

- Liên kết với các cơ sở, trường đại học, viện nghiên cứu, các cá nhân có kinh nghiệm thực hiện các đề tài nghiên cứu về dược liệu làm cơ sở cho việc đa dạng sản phẩm do công ty sản xuất.

- Duy trì chứng nhận GMP nhà máy sản xuất thuốc Betalactam và Nonbetalactam.

2.3. Về nhân sự, tiền lương:

- Đầu tư cải thiện môi trường làm việc tốt nhằm phát huy tốt năng lực, trí tuệ của tập thể và cá nhân người lao động; sắp xếp bố trí đúng, phù hợp với năng lực của các cá nhân nhằm nâng cao hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh và một số lĩnh vực khác.

- Đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động trong giai đoạn khó khăn.

2.4. Về hệ thống quản lý chất lượng:

- Công ty không ngừng cải tiến nâng cao về các mặt quản lý chất lượng, tuân thủ nghiêm quy định GMP-WHO, GLP, GSP; trong phân phối thực hiện GDP, GPP theo quy định của Ngành y tế.

- Năm 2020 công ty đạt được các danh hiệu: Bằng khen của chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang đã có thành tích tham gia và có nhiều đóng góp liên tục từ 15 năm trở lên cho Hội thi ATVSLĐ- PCCN tỉnh Tiền Giang, Bằng khen của Liên Đoàn Lao Động Tiền Giang Đạt Giải Ba toàn diện "Hội thi An toàn - Vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ tỉnh Tiền Giang" lần 20 năm 2020, Bằng khen của Ban chấp hành Trung ương Hội chữ thập đỏ Việt Nam đã có thành tích xuất sắc trong phong trào Thi đua yêu nước của Hội chữ thập đỏ Việt Nam giai đoạn 2015-2020, Giấy chứng nhận TOP 50 DN Việt Nam tiêu biểu sáng tạo 2020 của Trung tâm nghiên cứu phát triển thương hiệu việt,...

2.5. Về đầu tư phát triển:

- Nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh và nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng sản phẩm trong kinh doanh, công ty đã đầu tư bổ sung nhiều thiết bị sản xuất và kiểm tra chất lượng sản phẩm như: máy trộn khô công suất lớn, máy đóng gói tự động, bán tự động, máy chiết rót, máy đo độ hòa tan,...

- Đầu tư nâng cấp hệ thống phụ trợ, điện năng lượng mặt trời đã góp phần giảm chi phí tiền điện.



- Ngoài ra, công ty còn dành kinh phí đầu tư cho việc thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học nhằm phát triển sản phẩm mới.

B. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021 :

1. Đặc điểm tình hình:

- Năm 2021 tình hình kinh tế trong nước và trên thế giới sẽ còn gặp nhiều khó khăn, thách thức do tình hình dịch bệnh Covid 19 còn nhiều phức tạp.

- Giá cả nguyên liệu, bao bì tiếp tục biến động tăng, nguồn nguyên liệu chưa ổn định.

- Tình hình cạnh tranh giữa các công ty dược phẩm ngày càng gay gắt. Các chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp còn nhiều cản trở do các điều kiện quy định khiến doanh nghiệp khó tiếp cận.

- Các tập đoàn nước ngoài đầu tư vào Việt Nam, mua cổ phiếu để nắm giữ sự điều hành hoặc chi phối hoạt động của các công ty dược phẩm trong nước nên doanh nghiệp vừa và nhỏ gặp nhiều khó khăn trong cạnh tranh trên thị trường.

- Việc thực hiện quy định quản lý nhà thuốc, cơ sở phân phối bằng phần mềm kết nối toàn quốc do Ngành y tế chủ trương chưa đồng bộ còn nhiều bất cập ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty.

2. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2021:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2021	Tỷ lệ tăng
1	Tổng doanh thu	Triệu.đ	310.000	26,62%
	Trong đó, Doanh thu sản xuất	Triệu.đ	290.000	28,11%
2	Các khoản nộp NSNN (Theo luật)	Triệu.đ		
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu.đ	8.000	61,26%
4	Thu nhập b/q người LĐ	1.000 đ	7.800	9,29%
5	Chi trả cổ tức	%/năm	10	33,33%

3 . Các giải pháp trọng yếu:

- Xây dựng chính sách phân phối độc quyền một số sản phẩm có sản lượng cao, giá ổn định để tiêu thụ trong cả nước với phương thức thanh toán trước khi nhận hàng nhằm chủ động trong sản xuất, hạn chế rủi ro.

- củng cố, mở rộng và phát triển mạng lưới phân phối, nâng cao hiệu quả hoạt động các trung tâm dược phẩm, chi nhánh, nhà thuốc. Đẩy mạnh bán hàng vào kênh phòng khám, bác sĩ để bù vào kênh đấu thầu đã không còn lợi thế. Triển khai bán hàng qua kênh bán hàng online.

- Ủy quyền cho các công ty dự thầu rộng rãi trong cả nước và có chính sách ưu đãi để tăng khả năng trúng thầu.

- Tập trung củng cố và phát triển nguồn nhân lực ổn định nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh của công ty, phục vụ cho các nhà máy sản xuất và nhất là nhà

máy sản xuất thuốc dược liệu thông qua việc có chế độ phúc lợi tốt, chính sách đãi ngộ hấp dẫn.

- Cùng cố hoạt động quảng bá, giới thiệu sản phẩm mới, nhất là sản phẩm từ dược liệu và thực phẩm bảo vệ sức khỏe; xây dựng chương trình chăm sóc khách hàng, tập trung tăng trưởng nhóm sản phẩm chủ lực, sản phẩm mới và sản phẩm doanh nghiệp khoa học công nghệ/

- Quản lý chặt về chi phí, tiết kiệm trong mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh để giảm chi phí đầu vào; sắp xếp, cải tiến hợp lý trong dây chuyền sản xuất để tăng năng suất lao động.

- Áp dụng công nghệ số trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý nhân sự,...

- Tiếp tục phối hợp với các cơ sở, trường đại học, các viện nghiên cứu thực nghiệm cứu, nuôi trồng dược liệu; nghiên cứu chiết xuất các dạng cao, bột từ dược liệu để đa dạng sản phẩm, tạo ra sản phẩm có tính cạnh tranh cao.

- Tiếp tục lựa chọn sản phẩm để đầu tư kinh phí thử tương đương sinh học.

- Tiếp tục đầu tư bổ sung máy móc, thiết bị thiết yếu để phục vụ sản xuất, kiểm tra chất lượng sản phẩm.

- Tiếp tục cải tiến để nâng cao chất lượng, mẫu mã, nhóm sản phẩm chủ lực, các sản phẩm mới sản xuất từ dược liệu, thực phẩm bảo vệ sức khỏe để phục vụ khối điều trị và thị trường trong cả nước.

Dự báo năm 2021 còn rất nhiều khó khăn do cạnh tranh trong nước và quốc tế, các ảnh hưởng khác từ thế giới, nhưng với định hướng đúng đắn của HĐQT, sự quản lý và điều hành thống nhất của Ban Tổng Giám đốc cùng với sự phấn đấu của toàn thể CBNV, công ty sẽ vượt qua những khó khăn để ổn định việc làm, tăng thu nhập cho người lao động và hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2021 với hiệu quả cao nhất.

- Nơi nhận:**
- HĐQT;
 - Ban TGD;
 - Các Đoàn thể,
 - Lưu NS-HC.

TỔNG GIÁM ĐỐC



The stamp is circular and red, containing the text: "M.S.D.N: 1200100557 - C.T.C.P", "CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO", and "TP. MỸ THO - T. TIỀN GIANG". A handwritten signature in blue ink is written over the stamp.

Đặng Thị Xuân Quyên



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2016-2020 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2021-2025

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thông qua ngày 17/06/2020.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco.

Ban Kiểm soát (BKS) Công ty CPDP Tipharco kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) báo cáo của BKS nhiệm kỳ 2016-2020 và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2021-2025 gồm các nội dung sau:

A. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BKS TRONG NHIỆM KỲ 2016-2020.

Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm soát đối với hoạt động của Công ty hàng năm trong nhiệm kỳ đối với các lĩnh vực như sau:

- Giám sát việc tuân thủ điều lệ, pháp luật trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Kiểm soát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị (HĐQT);
- Kiểm soát các nội dung theo yêu cầu của HĐQT để đánh giá hiệu quả điều hành, kiểm soát chi phí.
- Kiểm soát báo cáo tài chính hàng năm từ 2016 đến 2020.
- Ban Kiểm soát tham gia các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều hành để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Điều hành trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.
- Đề xuất việc lựa chọn Công ty kiểm toán.
- Thông qua các hoạt động kiểm soát như trên, BKS trình ĐHĐCĐ các nội dung chi tiết như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH & TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TRONG NHIỆM KỲ 2016-2020.



1. Kết quả kinh doanh: Một số chỉ tiêu trong báo cáo tài chính nhiệm kỳ 2016-2020

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	2018	2019	2020
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	329.378	304.435	281.772	292.716	244.828
	TĐ: Doanh thu hàng Công ty SX	Tr.đ	268.134	263.256	242.841	257.506	226.367
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	10.828	13.588	14.028	8.308	4.961
3	Giá vốn	Tr.đ	255.746	217.562	209.702	232.807	198.275
4	Chi phí tài chính	Tr.đ	5.330	4.762	6.276	8.298	7.611
5	Chi phí bán hàng	Tr.đ	27.676	34.925	27.826	21.605	15.549
6	Chi phí quản lý DN	Tr.đ	30.137	33.726	22.234	22.561	20.739

Nhận xét:

- Doanh thu bán hàng giảm, nhưng lợi nhuận có tăng qua các năm (2016-2018). Xét theo tỷ lệ lợi nhuận trên tổng doanh thu năm 2019-2020 có thể thấy khả năng tạo ra lợi nhuận ngày càng khó khăn, chủ yếu do giá vốn và chi phí tài chính tăng.

- Tuy nhiên, có thể thấy chi phí bán hàng và chi phí quản lý DN liên tục được kiểm soát tốt.

- Kết quả trên diễn ra trong bối cảnh dịch bệnh covid-19 bùng phát gây giãn cách xã hội và ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty từ đầu năm 2020, chúng tôi cho rằng kết quả kinh doanh trên có thể sẽ tốt hơn trong điều kiện bình thường và kỳ vọng sự tăng trưởng tốt ở nhiệm kỳ tiếp theo.

2. Tình hình tài chính kế toán công ty:

- Các Báo cáo tài chính (BCTC) trong nhiệm kỳ 2016-2020 được kiểm toán bởi Cty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ là đơn vị đã được UBCKNN chấp thuận kiểm toán BCTC cho các công ty niêm yết. Các BCTC của công ty được lập theo đúng quy định của pháp luật, phản ánh đầy đủ và trung thực tình hình tài chính của Công ty tại các thời điểm báo cáo.

- Báo cáo tài chính được công bố thông tin kịp thời và đúng quy định đến các cổ đông và nhà đầu tư.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BĐH CÔNG TY.

- Trong nhiệm kỳ 2016-2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp theo đúng quy định của Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, các thành viên tham gia hầu hết các cuộc họp HĐQT. HĐQT đã xem xét kết quả kinh doanh trong kỳ, đánh giá hiệu quả các khoản đầu tư và thảo luận chiến lược kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đã phê chuẩn hàng năm.

- HĐQT đã ban hành nhiều Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đầy đủ căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ về điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của công ty.

- HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và phối hợp với Ban điều hành chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nhằm cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu đã được thông qua trong Nghị quyết ĐHĐCĐ nhiệm kỳ 2016-2020.

- BĐH trong các năm qua đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế và phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, triển khai kịp thời các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ.

- Công tác quản trị được thực hiện nghiêm túc theo quy chế đã ban hành, đảm bảo cung cấp thông tin bất thường và thông tin định kỳ của doanh nghiệp đến cổ đông và các cơ quan chức năng một cách kịp thời và đúng hạn.

- Thù lao của HĐQT và BKS trong nhiệm kỳ được chi trả theo quy định của Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên các năm. Riêng năm 2020 HĐQT và BKS không nhận thù lao từ tháng 10 đến tháng 12 nhằm góp phần giảm bớt chi phí cho công ty.

- Tổ chức ĐHĐCĐ hàng năm theo đúng quy định.

III. THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ.

1. Về phân phối lợi nhuận:

- Về trích lập các quỹ: công ty đã thực hiện việc trích lập các quỹ như quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi theo các phương án phân phối lợi nhuận đã được ĐHĐCĐ thông qua theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ hàng năm.

- Về cổ tức: công ty đã thực hiện việc chi trả cổ tức hàng năm theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.



2. Về tăng vốn điều lệ:

Trong nhiệm kỳ, Công ty đã thực hiện việc tăng vốn điều lệ từ 23.250.000.000 đồng lên 63.159.280.000 đồng qua các hình thức từ việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn dành cho Người lao động của Công ty, phát hành cổ phiếu riêng lẻ, phát hành cổ phiếu ra công chúng, phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BanKiểm soát:

- Công ty đang tiếp tục xem xét để bổ sung, sửa đổi Điều lệ tổ chức, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BanKiểm soát phù hợp với các quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020 và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP về quản trị công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua.

4. Các vấn đề khác:

- Công ty thực hiện theo Nghị Quyết của ĐHĐCĐ hàng năm.

IV. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS VÀ HĐQT, BTGD.

- Trong nhiệm kỳ, BKS được HĐQT và BTGD tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của công ty, nhằm phục vụ cho mục đích kiểm tra, giám sát của BKS.

- BKS được tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, tham gia ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ của BKS.

V. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ:

- Trong nhiệm kỳ qua, Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành Công ty đã thực hiện được hầu hết các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông như: chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, chi trả cổ tức, các dự án đầu tư, tăng vốn điều lệ,...

- Trong phạm vi quyền hạn trách nhiệm của mình, BKS đánh giá hoạt động của HĐQT và BDH trong các năm qua đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với quy định của pháp luật và Công ty, đáp ứng kịp thời yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đề nghị HĐQT và BDH tiếp tục đầu tư trang thiết bị phục vụ sản xuất, mở rộng hệ thống phân phối, đầu tư chi phí nghiên cứu, đẩy mạnh phát triển thị trường các sản phẩm thuốc Dược liệu, Thực phẩm bảo vệ sức khỏe nhằm đạt chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận.

B. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2021-2025.

- BKS sẽ tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của ban Kiểm soát. Trọng tâm như sau:

- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, điều lệ và các quy chế của Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty.

- Đánh giá các Báo cáo tài chính, Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh công ty của HĐQT, Ban TGD.

- Phối hợp HĐQT, BTGD hoàn thiện công tác quản trị công ty.

- Thực hiện việc kiểm tra, giám sát theo yêu cầu của cổ đông và HĐQT

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động nhiệm kỳ 2016-2020 và Phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2021-2025 của BKS. Kết quả hoạt động của BKS nhiệm kỳ 2016-2020 nhờ phần lớn vào sự hỗ trợ, tạo điều kiện của HĐQT, Ban TGD và các Phòng ban trong công ty, đặc biệt là phòng TCKT. Thay mặt BKS nhiệm kỳ 2016-2020 tôi xin trân trọng cảm ơn sự tin nhiệm và tạo điều kiện của ĐHĐCĐ, HĐQT, Ban TGD, các Phòng ban công ty trong suốt nhiệm kỳ vừa qua đã giúp BKS hoàn thành công việc của mình.

Kính chúc sức khỏe quý vị đại biểu, quý cổ đông.

Chúc đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng kính chào!

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Dương Thị Thúy Liễu





Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

PKF

Accountants &
business advisers



Số 069/2021/BCKT-CT.00007

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2021, từ trang 5 đến trang 33 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



TRƯƠNG ĐẶC NHÀ
Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ

Thành phố Cần Thơ, ngày 25 tháng 03 năm 2021

NGUYỄN THỊ THANH MINH
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0068-2018-009-1



Tiền Giang, ngày 28 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH**V/v Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.****Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên.**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thông qua ngày 17/06/2020.

Căn cứ Điều lệ Tổ chức - hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco.

Ban kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Với tiêu chí như sau:

- Lựa chọn đơn vị kiểm toán có uy tín, được phép hoạt động tại Việt Nam, được Bộ tài chính và UBCK Nhà nước chấp thuận việc kiểm toán BCTC của các công ty đại chúng và tổ chức niêm yết;
- Là đơn vị có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm kiểm toán báo cáo tài chính.
- Có mức phí kiểm toán phù hợp.

Với các đề xuất nêu trên, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong 04 (bốn) Công ty kiểm toán sau cho báo cáo tài chính năm 2021:

- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
- Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt
- Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Dương Thị Thúy Liễu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2020

(Đã kiểm toán)

I BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2019
I	Tài sản ngắn hạn	Đồng	144.091.816.662	158.351.203.326
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	"	17.495.810.470	9.577.659.879
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	"		
3	Các khoản phải thu	"	44.396.376.864	60.862.230.733
4	Hàng tồn kho	"	81.567.431.210	87.285.935.805
5	Tài sản ngắn hạn khác	"	632.198.118	625.376.909
II	Tài sản dài hạn	"	114.628.821.257	120.133.162.726
1	Các khoản phải thu dài hạn	"	371.121.903	0
2	Tài sản cố định	"		
	- TSCĐ hữu hình	"	105.848.857.461	109.075.516.471
	- TSCĐ vô hình	"	550.000.000	1.576.008.900
3	Tài sản cố định thuê tài chính	"	0	
4	Tài sản dở dang dài hạn	"	0	1.717.149.200
5	Tài sản dài hạn khác	"	7.858.841.893	7.764.488.155
	TỔNG TÀI SẢN	"	258.720.637.919	278.484.366.052
I	Nợ phải trả	"	138.307.003.053	155.829.340.562
1	Nợ ngắn hạn	"	121.493.029.679	121.755.753.188
2	Nợ dài hạn	"	16.813.973.374	34.073.587.374
	-Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	"	16.813.973.374	31.873.587.374
	-Quỹ phát triển KH và công nghệ	"		2.200.000.000
II	Nguồn vốn chủ sở hữu	"	120.413.634.866	122.655.025.490
1	Vốn chủ sở hữu	"	120.403.007.694	122.422.838.718
	Vốn góp của chủ sở hữu	"	63.159.280.000	63.159.280.000
	- CP phổ thông có quyền biểu quyết	"	63.159.280.000	63.159.280.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	"		
	Thặng dư vốn cổ phần	"	33.634.115.000	33.634.115.000
	Cổ phiếu quỹ	"		
	Quỹ đầu tư phát triển	"	19.819.815.893	19.313.275.717
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	"	3.789.796.801	6.316.168.001
	- LNST chưa phân phối lũy kế	"		
	- LNST chưa phân phối kỳ này	"	3.789.796.801	6.316.168.001
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	"	10.627.172	232.186.772
	Nguồn kinh phí	"	10.627.172	232.186.772
	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	"		
	TỔNG NGUỒN VỐN	"	258.720.637.919	278.484.366.052



II KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2019
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	244.828.327.862	292.716.586.039
2	Các khoản giảm trừ	"	81.136.913	791.730.983
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	"	244.747.190.949	291.924.855.056
4	Giá vốn hàng bán	"	198.275.658.577	232.807.619.891
5	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	"	46.471.532.372	59.117.235.165
6	Doanh thu hoạt động tài chính	"	123.014.667	380.136.767
7	Chi phí tài chính	"	7.611.771.968	8.298.441.711
8	Chi phí bán hàng	"	15.549.083.971	21.605.516.250
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	"	20.739.855.483	22.561.954.592
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	"	2.693.835.617	7.031.459.379
11	Thu nhập khác	"	2.267.242.982	1.365.839.943
12	Chi phí khác	"		88.662.651
13	Lợi nhuận khác	"	2.267.242.982	1.277.177.292
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	"	4.961.078.599	8.308.636.671
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	"	158.441.447	1.794.181.986
16	Lợi nhuận sau thuế	"	4.802.637.152	6.514.454.685
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	"	680	1.122

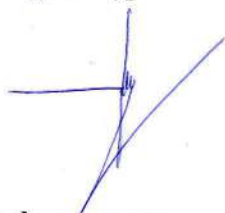
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2019
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản ngắn hạn/tổng tài sản	%	55,69	56,86
	- Tài sản dài hạn/tổng tài sản	%	44,31	43,14
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/tổng nguồn vốn	%	53,46	55,96
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn	%	46,54	44,04
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh (TSNH-HTK/Nợ NH)	lần	0,51	0,58
	- Khả năng thanh toán hiện hành (TSNH/Nợ NH)	lần	1,19	1,30
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản	%	1,86	2,34
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	1,96	2,23
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	%	3,99	5,31

Số liệu đã được Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - CN Cần Thơ kiểm toán.

Ngày 15 tháng 05 năm 2021

Người lập biểu



Trần Hoài Phương

Kế toán trưởng



Lê Thị Mỹ Tiên

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Xuân Quyên

TỜ TRÌNH

Đề nghị phân phối lợi nhuận năm 2020

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020
và nhiệm kỳ 2021 – 2025 Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco**

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco;
- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020;
- Căn cứ nội dung cuộc họp HĐQT ngày 05 tháng 04 năm 2021 về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020; dự kiến chi trả cổ tức, phân phối các quỹ.

Căn cứ số liệu đã được kiểm toán.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đề nghị phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

1. Lợi nhuận trước thuế	:	4.961.078.599	đồng
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp	:	158.441.447	đồng
3. Lợi nhuận sau thuế được phân phối	:	4.802.637.152	đồng
4. Lợi nhuận sau thuế còn thừa 24 cổ phiếu do trả cổ tức 17% bằng cổ phiếu năm 2018	:	240.000	đồng
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	:	4.802.877.152	đồng
6. Chi trả cổ tức 7,5%/năm	:	4.736.946.000	đồng
7. Trích quỹ khen thưởng + phúc lợi	:	65.931.152	đồng

Hội đồng quản trị xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận của công ty nêu trên.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận :

- HĐQT, BKS;
- Các cổ đông;
- Lưu: Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Quang Bình

Số: 188...-TTr/HĐQT

Mỹ Tho, ngày 29 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH
Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020
và nhiệm kỳ 2021 – 2025 Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco và các sửa đổi điều lệ được Đại hội cổ đông thường niên thông qua;

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

Căn cứ nội dung cuộc họp HĐQT ngày 05 tháng 04 năm 2021 về kế hoạch sản xuất kinh doanh, chi trả cổ tức, phân phối các quỹ năm 2021.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2021 (số liệu dự kiến) như sau:

1. Lợi nhuận trước thuế	:	8.000.000.000	đồng
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp	:	1.600.000.000	đồng
3. Lợi nhuận sau thuế được phân phối	:	6.400.000.000	đồng
4. Chi trả cổ tức 10%/năm	:	6.315.928.000	đồng
5. Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	84.072.000	đồng

Hội đồng quản trị xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2021 để công ty có kế hoạch chi trả cổ tức cho cổ đông.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận :

- HĐQT, BKS;
- Các cổ đông;
- Lưu: Thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Quang Bình

TỜ TRÌNH

V/v Mức chi thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký năm 2020 và dự toán mức chi thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký - Người phụ trách quản trị công ty năm 2021

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020
và nhiệm kỳ 2021 – 2025 Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco**

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco.
- Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - CN Cần Thơ kiểm toán;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số: 153-NQ/ĐHCD ngày 29/05/2020 về mức chi thù lao của HĐQT, BKS, thư ký hàng tháng.

Hội đồng quản trị Công ty CP DP Tipharco báo cáo chi thù lao năm 2020 và trình Đại hội đồng cổ đông mức chi thù lao năm 2021 như sau:

1. Báo cáo chi thù lao, trích thưởng năm 2020:

- Số tiền chi thù lao cố định đã chi trong năm 2020 là: 165.600.000đ.
- Do ảnh hưởng của Dịch bệnh Covid 19, tình hình kinh doanh của Công ty khó khăn nên Hội đồng quản trị quyết định không chi thù lao HĐQT, BKS, Thư ký từ tháng 10/2020 đến tháng 12/2020 để giảm bớt chi phí cho Công ty.

2. Trình dự toán mức chi thù lao năm 2021:

Nhằm đảm bảo thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký - Người phụ trách quản trị công ty hoạt động trong năm 2021, HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông mức chi thù lao cố định năm 2021 là: 232.800.000 đồng.

- Mức trích bổ sung thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, Người phụ trách quản trị công ty là 15%/số lợi nhuận vượt kế hoạch sau thuế.
- Chi phí hoạt động của HĐQT, BKS, Thư ký - Người phụ trách quản trị công ty tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty. (Không tính thưởng lợi nhuận vượt kế hoạch).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận :

- HĐQT, BKS;
- Các cổ đông;
- Lưu: Thư ký HĐQT.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Quang Bình

Số: 190 -BC/HĐQT

Mỹ Tho, ngày 29 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO

Trích lập, sử dụng, hoàn nhập Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020
và nhiệm kỳ 2021 – 2025 Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco**

- Căn cứ Thông tư số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC ngày 28/06/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ tài chính hướng dẫn nội dung chi và quản lý quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CPDP Tipharco;

- Căn cứ vào nhu cầu phát triển khoa học tại Công ty CPDP Tipharco;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức, hoạt động và sử dụng Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ Công ty CPDP Tipharco;

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo trích lập, sử dụng, hoàn nhập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ năm 2020 như sau:

Báo cáo trích lập, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ năm 2020:

- Số dư quỹ năm trước chuyển sang : 2.200.000.000 đồng
- Trích quỹ năm 2020 : 0 đồng
- Hoàn nhập Quỹ trong năm 2020 : 2.200.000.000 đồng
- Số dư chuyển sang năm 2021 : 0 đồng

Do Công ty chưa có nhu cầu sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ nên Công ty đã hoàn nhập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong năm 2020.

Xin báo cáo trước Đại hội.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phạm Quang Bình

Mỹ Tho, ngày 29 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

*V/v bổ sung, điều chỉnh ngành nghề kinh doanh
của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco*

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020
và nhiệm kỳ 2021 – 2025 Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco.

Kính thưa Quý cổ đông!

Hội đồng quản trị công ty kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bổ sung, điều chỉnh ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Dược Phẩm Tipharco và sửa đổi điều lệ tương ứng với ngành nghề kinh doanh mới như sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Ghi chú
1	Sản xuất điện <i>Chi tiết: Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời.</i>	3511	Bổ sung
2	Truyền tải và phân phối điện <i>Chi tiết:</i> - Truyền tải điện. - Phân phối điện.	3512	Bổ sung
3	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng <i>Chi tiết: Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế.</i>	3250	Bổ sung

4	<p>Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa</p> <p><i>Chi tiết:</i> Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa.</p>	8620	Bổ sung
5	<p>Dịch vụ hỗ trợ giáo dục</p> <p><i>Chi tiết:</i> Dịch vụ hỗ trợ giáo dục.</p>	8560	Bổ sung
6	<p>- Sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu thực phẩm.</p> <p>- Sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu nguyên liệu, bán thành phẩm thực phẩm; nguyên liệu, bán thành phẩm thực phẩm chức năng.</p>	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam	Bổ sung
7	<p>Trước điều chỉnh:</p> <p>Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu</p> <p><i>Chi tiết:</i> Sản xuất dược phẩm và vật tư y tế</p> <p>Sau điều chỉnh:</p> <p>Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu</p> <p><i>Chi tiết:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất thuốc các loại. - Sản xuất hóa dược và dược liệu. - Sản xuất sản phẩm thực vật cho mục đích làm thuốc. 	2100 (Chính)	Điều chỉnh
8	<p>Trước điều chỉnh:</p> <p>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình</p> <p><i>Chi tiết:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu dược phẩm và vật tư y tế, thiết bị sản xuất kinh doanh thuộc ngành y tế. - Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu mỹ phẩm. <p>Sau điều chỉnh:</p> <p>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình</p>	4649	Điều chỉnh

<p><i>Chi tiết:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu dược phẩm và vật tư y tế, thiết bị sản xuất kinh doanh thuộc ngành y tế. - Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu mỹ phẩm. - Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu dụng cụ y tế. 		
--	--	--

Lý do bổ sung, điều chỉnh ngành nghề kinh doanh: Do nhu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh của Công ty về các lĩnh vực trên nên cần thiết phải bổ sung, điều chỉnh ngành nghề kinh doanh.

Theo quy định Điều 56 Nghị định 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 Về đăng ký doanh nghiệp, khi bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh, doanh nghiệp gửi Thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

Với các nội dung trên, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và có nghị quyết:

1. Chấp thuận việc bổ sung, điều chỉnh ngành nghề kinh doanh trên và sửa đổi Điều lệ công ty tương ứng với ngành nghề kinh doanh mới.

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục cần thiết để bổ sung, điều chỉnh ngành nghề kinh doanh với Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đã đăng ký và sửa đổi điều lệ công ty tương ứng với ngành nghề kinh doanh mới.

Hội đồng quản trị xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Quang Bình

Số: 195-TTr/HĐQT

Mỹ Tho, ngày 19 tháng 05 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua Điều lệ sửa đổi, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sửa đổi của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020
và nhiệm kỳ năm 2021 – 2025 Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco.

Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội thông qua Điều lệ sửa đổi, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sửa đổi của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco.

Toàn văn Dự thảo Điều lệ sửa đổi, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sửa đổi được đăng tải tại địa chỉ website của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco (www.tipharco.com.vn).

Điều lệ sửa đổi, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sửa đổi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, sẽ có hiệu lực kể từ ngày 21/05/2021 và thay thế cho Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phạm Quang Bình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



DỰ THẢO ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

Tiền Giang, ngày ... tháng ... năm 2021

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	8
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	8
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	9
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	9
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	9
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	10
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	10
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	10
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp).....	11
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	11
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	11
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	11
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	11
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	13
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 17. Thay đổi các quyền	18
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	22
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	22

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	25
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	26
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	27
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	27
Điều 28. Thù lao, lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	28
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	29
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	30
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	33
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	33
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	34
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	34
Điều 34. Người điều hành Doanh nghiệp	34
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.....	34
Điều 36. Thư ký Công ty	35
IX. BAN KIỂM SOÁT.....	35
Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).....	35
Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát	35
Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát.....	36
Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	36
Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát	37
Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	37
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	38
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	38
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	39
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	39
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	39
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	40
Điều 46. Công nhân viên và công đoàn.....	40
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	40

Điều 47. Phân phối lợi nhuận.....	40
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	41
Điều 48. Tài khoản ngân hàng	41
Điều 49. Năm tài chính.....	41
Điều 50. Chế độ kế toán	41
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	41
Điều 51. Báo cáo tài chính.....	41
Điều 52. Báo cáo thường niên.....	42
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	42
Điều 53. Kiểm toán	42
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	42
Điều 54. Dấu của doanh nghiệp.....	42
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	42
Điều 55. Giải thể công ty.....	42
Điều 56. Gia hạn hoạt động	43
Điều 57. Thanh lý.....	43
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	43
Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	43
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	44
Điều 59. Điều lệ này.....	44
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	44
Điều 60. Ngày hiệu lực.....	44

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ... ngày ... tháng ... năm 2021.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - e) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - f) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - j) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - k) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - l) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - m) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO**
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **Tipharco Pharmaceutical Joint Stock Company**
- Tên Công ty viết tắt: **TIPHARCO**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô 08, 09 Cụm công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.
- Điện thoại: 0273.3871817 - 3872972
- Fax: 0273.3883740
- E-mail: tipharco@vnn.vn
- Website: www.tipharco.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Công ty có thể thành lập địa điểm kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 55 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 56 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có (01) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo pháp luật của công ty là cá nhân đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.

Trường hợp hết hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại theo pháp luật của công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi HĐQT quyết định cử người khác thay thế.

Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì HĐQT sẽ cử người khác thay thế.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản thuộc sở hữu gắn liền với đất đối với trường hợp được Nhà nước cho thuê đất; Mua, bán, cho thuê nhà và quyền sử dụng đất không để ở.	6810
2	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kho chứa hàng hóa thông thường, kho đông lạnh	5210
3	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Chuyên giao công nghệ và dịch vụ chuyên giao công nghệ; Dịch vụ nghiên cứu và phát triển sản phẩm	7490
4	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm.	2023
5	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: - Sản xuất các loại sirô giải khát. - Sản xuất nước tinh khiết đóng chai, đóng bình các dạng.	1104
6	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu hóa chất.	4669
7	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh Chi tiết: Sản xuất các loại rượu thuốc đóng chai các dạng.	1101
8	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thuốc và các sản phẩm do Công ty sản xuất; Bán lẻ vật tư y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế ngành y, dược; mỹ phẩm, thực phẩm chức năng	4772
9	Bán buôn đồ uống Chi tiết: - Kinh doanh nước tinh khiết đóng chai, đóng bình các dạng. Kinh doanh các loại sirô giải khát. - Kinh doanh các loại rượu thuốc đóng chai các dạng.	4633
10	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: Sản xuất dược phẩm và vật tư y tế.	2100 (Chính)
11	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649

	Chi tiết: - Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu dược phẩm và vật tư y tế, thiết bị sản xuất kinh doanh thuộc ngành y tế. - Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu mỹ phẩm.	
12	- Sản xuất vắc xin, sinh phẩm, mỹ phẩm, chế phẩm, bao bì. - Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu nguyên liệu. - Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu vắc xin, sinh phẩm, chế phẩm, bao bì. - Gia công, nhượng quyền, đại lý trong sản xuất kinh doanh dược phẩm, vật tư y tế, thực phẩm chức năng, vắc xin, sinh phẩm, mỹ phẩm, chế phẩm, nguyên liệu, hóa chất, bao bì, thiết bị sản xuất kinh doanh thuộc ngành y tế. - Sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu thực phẩm chức năng - Sản xuất tinh dầu từ thảo dược	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Ghi chú: Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được hoạt động khi đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm theo các chức năng và ngành nghề kinh doanh được cấp phép. Đồng thời nhằm nâng cao hiệu quả và đạt mục tiêu tối đa các khoản lợi nhuận, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 63.159.280.000 đồng (bằng chữ: Sáu mươi ba tỷ một trăm năm mươi chín triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng Việt Nam).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 6.315.928 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1200100557 (Số cũ: 5303000050) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 28/02/2006. Công ty không có cổ đông sáng lập.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn

vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
3. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ này, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của

từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì đề cử số ứng cử viên còn lại thực hiện theo quy định tại điều 25, điều 37 điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ này và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.
- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

- d) Thủ tục đề tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- k) Phê duyệt/ Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận;
- k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ này;
- l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

- r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp, theo quy định cụ thể sau:

- a) Đối với cổ đông là cá nhân chỉ được ủy quyền cho 01 cá nhân hoặc tổ chức khác dự họp;
- b) Đối với cổ đông là tổ chức nắm giữ dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền tối đa 02 cá nhân hoặc tổ chức khác, từ 10% đến dưới 50 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền tối đa 03 cá nhân hoặc tổ chức khác dự họp; tổ chức nắm giữ từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền tối đa 05 cá nhân hoặc tổ chức khác dự họp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết/bầu cử;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện *trên 50%* tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn *30 ngày*, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ *33%* tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn *20 ngày* kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/ Ban Kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đến đăng ký dự họp trong ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để

thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

8. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- f) Gia hạn hoạt động công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Lưu ý, Trường hợp bầu thành viên HĐQT và BKS, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT/BKS cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT/BKS có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ này.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau:
 - a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ này;

- b) Phê duyệt/ sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
- c) Định hướng phát triển công ty;
- d) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- f) Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- h) Tổ chức lại, giải thể công ty;
- i) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- j) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- k) Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- j) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ này;

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ này và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ này quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- q) Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.
- r) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
- s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ này.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ này.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ này quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Biểu quyết

- a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30 Điều lệ Công ty, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 9 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c) Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 43 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
- e) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ này.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

16. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

17. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- c) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- d) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- e) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- f) Tham dự các cuộc họp;
- g) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- h) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- i) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- j) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- k) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- l) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 36. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ Công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ này. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; khi xét thấy cần thiết đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ này của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị từ 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với

các cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy

định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty.

3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ này mà không có quyết định gia hạn;
- b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 57. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 59. Điều lệ này

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 60. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 60 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 tại ... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TIPHARCO**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO**

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm 2021;
- Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco.

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG -----	7
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng-----	7
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt-----	7
CHƯƠNG 2 – ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG -----	8
I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG -----	8
Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông -----	8
Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông -----	8
Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông-----	8
Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông-----	8
Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông-----	11
Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông-----	11
Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông-----	11
Điều 8. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông-----	13
Điều 9. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông-----	14
Điều 10. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông-----	15
Điều 11. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông-----	15
Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội-----	16
Điều 13. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết-----	17
Điều 14. Cách thức bỏ phiếu bầu cử-----	17
Điều 15. Cách thức kiểm phiếu-----	18
Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua-----	19
Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu-----	19
Điều 18. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông-----	19
Điều 19. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông-----	20
Điều 20. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông-----	21
II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN -----	21
Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản-----	21
Điều 22. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản-----	21

Điều 23. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản----- 22

III. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN----- 24

Điều 24. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến----- 24

Điều 25. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến ----- 24

Điều 26. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử ----- 24

Điều 27. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến ----- 24

Điều 28. Điều kiện tiến hành----- 25

Điều 29. Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến ----- 25

Điều 30. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến----- 25

Điều 31. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến ----- 26

Điều 32. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến ----- 26

Điều 33. Thông báo kết quả kiểm phiếu ----- 27

Điều 34. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông----- 27

Điều 35. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông----- 27

IV. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN----- 27

Điều 36. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông----- 27

Điều 37. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông ----- 27

Điều 38. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông----- 27

Điều 39. Điều kiện tiến hành----- 27

Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ----- 27

Điều 41. Cách thức bỏ phiếu ----- 27

Điều 42. Cách thức kiểm phiếu ----- 27

Điều 43. Thông báo kết quả kiểm phiếu----- 27

Điều 44. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông----- 27

Điều 45. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông----- 27

CHƯƠNG 3 – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ----- 29

Mục 1. Quy định chung----- 29

Điều 46. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT----- 29

Điều 47. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT ----- 29

Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT ----- 30

Điều 48.	Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị HĐQT-----	30
Điều 49.	Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT-----	30
Điều 50.	Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị-----	31
Điều 51.	Cách thức bầu thành viên HĐQT-----	31
Điều 52.	Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị-----	31
Điều 53.	Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị-----	32
Điều 54.	Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị-----	32
Điều 55.	Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị-----	32
Mục 3 – Thù lao, lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị-----		33
Điều 56.	Thù lao, lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị-----	33
Mục 4 – Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị-----		34
Điều 57.	Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm-----	34
Điều 58.	Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường-----	34
Điều 59.	Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát-----	34
Điều 60.	Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị-----	35
Điều 61.	Cách thức biểu quyết-----	35
Điều 62.	Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị-----	37
Điều 63.	Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị-----	37
Điều 64.	Lập biên bản họp Hội đồng quản trị-----	37
Điều 65.	Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị-----	38
Điều 66.	Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị-----	38
Mục 5 - Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị-----		39
Điều 67.	Các tiểu ban trực thuộc HĐQT-----	39
Mục 6 - Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty-----		39
Điều 68.	Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty-----	39
Điều 69.	Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty-----	39
Điều 70.	Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty-----	39
Điều 71.	Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty-----	39
Điều 72.	Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty-----	39
CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT-----		41
Mục 1. Quy định chung-----		41

Điều 73. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát 41

Mục 2. Quy định về Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát ----- 41

Điều 74. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần và cơ cấu thành viên Ban kiểm soát ----- 41

Điều 75. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát----- 42

Điều 76. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát ----- 42

Điều 77. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát ----- 43

Điều 78. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát ----- 43

Điều 79. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát ----- 43

Điều 80. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát----- 44

CHƯƠNG 5 - TỔNG GIÁM ĐỐC ----- 45

Điều 81. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc ----- 45

Điều 82. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc----- 45

Điều 83. Ứng cử, đề cử Tổng Giám đốc ----- 45

Điều 84. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc ----- 46

Điều 85. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc ----- 46

Điều 86. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc ----- 46

CHƯƠNG 6 – CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC ----- 47

Mục 1 – Quy định về phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc 47

Điều 87. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc----- 47

Điều 88. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát ----- 47

Điều 89. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Tổng Giám đốc ----- 47

Điều 90. Các trường hợp Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT ----- 47

Điều 91. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao ----- 48

Điều 92. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc ----- 48

Điều 93. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS ----- 48

Điều 94. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên ----- 49



Mục 2 – Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác	52
CHƯƠNG 7 - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	53
Điều 95. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty	53
CHƯƠNG 8 - NGÀY HIỆU LỰC	53
Điều 96. Ngày hiệu lực.....	53

CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này được xây dựng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan được đề cập trong quy chế này.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Thành viên HĐQT không điều hành là thành viên HĐQT không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
2. Công ty: là Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco.
3. HĐQT: là Hội đồng quản trị.
4. Ứng cử: là tự đề cử.
5. BKS: là Ban kiểm soát.
6. VSD: là Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam .
7. Đại biểu: là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền).
8. Người phụ trách quản trị công ty: là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

CHƯƠNG 2 – ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Điều 14, Điều 15 Điều lệ công ty.

Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 14 Điều lệ công ty)

1. *Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên:* Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. *Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:*

a. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty;

b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Điều lệ công ty thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 Điều lệ công ty thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 146 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Khoản 2 Điều 20 Điều lệ công ty)

1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- b. Trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- c. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- d. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- e. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đến đăng ký dự họp trong ngày khai mạc đại hội đồng cổ đông tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- f. Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.
- g. Đoàn Chủ tọa gồm 01 Chủ tọa và các Thành viên.
- h. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:
 - Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
 - Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

- i. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

2. Thư ký đại hội:

- a. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
- b. Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:
- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
 - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông/Đại biểu;
 - Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty;
 - Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ Tọa.

3. Ban kiểm phiếu:

- a. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
- b. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:
- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
 - Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết.
 - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

4. Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu:

- a. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp. Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu của Đại hội gồm 01 Trưởng Ban và các thành viên.
- b. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu:
- Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
 - Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.
 - Tham gia kiểm phiếu các nội dung khác trước khi thành lập Ban kiểm phiếu.

Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 18 Điều lệ công ty; Quy chế thực hiện quyền của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam)

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông và các thủ tục liên quan theo quy định tại Quy chế thực hiện quyền của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 143 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty; trường hợp công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ công ty.
3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - b. Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử.
4. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 18 Điều lệ công ty)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 3 Quy chế này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

- c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c. Phiếu biểu quyết/bầu cử;
 - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ công ty;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 8. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 16 Điều lệ công ty; Khoản 1, 2, 5 Điều 20 Điều lệ công ty)

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty.
 - b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:
 - Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này; (Trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu biểu quyết/bầu cử được ủy quyền cho mỗi đại diện).
 - Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
 - Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với qui định của Pháp luật.
 - Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
2. Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội
 - a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty;
 - b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy

quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

- c. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
 - Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

- a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
- b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

Điều 9. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 19 Điều lệ công ty)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 10. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 147 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 22 Điều lệ công ty)

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản và các hình thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 167 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 15 Điều lệ công ty)

1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
2. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
3. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận;
4. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
5. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
6. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
7. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
8. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
9. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
10. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
11. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
12. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
13. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
14. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
15. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
16. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
17. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

18. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
19. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
20. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
21. Phê duyệt, bổ sung, sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
22. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc; Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung

- a. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.
- b. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử

a. Phiếu biểu quyết

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát, ... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

- **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**

- Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu biểu quyết hợp lệ.

b. Phiếu bầu cử

- **Phiếu bầu cử hợp lệ:** là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

- **Phiếu bầu cử không hợp lệ:**

- Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu bầu cử hợp lệ.

- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu.
- Các quy định khác theo Quy chế bầu cử.

Điều 13. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

(Căn cứ quy định Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

- a. Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.
- b. Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn thành tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.
- c. Bỏ phiếu điện tử tương tự như quy định tại điều 31 quy chế này.

Điều 14. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

(Căn cứ quy định tại Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT và Ban kiểm soát.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

- a. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên cần bầu;
 - Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;
 - Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);
 - Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp phiếu cũ;
 - Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:
 - + Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng.
 - + Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.
 - + Nội dung khác theo quy định tại quy chế bầu cử.
- Lưu ý:** Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.
- Nguyên tắc trúng cử:
 - + Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
 - + Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
 - + Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

b. Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 13 Quy chế này.

c. Bỏ phiếu điện tử tương tự như quy định tại điều 31 quy chế này.

Điều 15. Cách thức kiểm phiếu

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)

Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách tổng hợp thẻ/phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

(Căn cứ quy định tại Điều 21 Điều lệ công ty)

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể công ty;
 - f. Gia hạn hoạt động công ty;
 - g. Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp bầu thành viên HĐQT và BKS, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT/BKS cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT/BKS có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.
3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu

(Căn cứ quy định Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 18. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 132 & Điều 151 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.
3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Điều 19. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 23 Điều lệ công ty)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - c. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - d. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - f. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - g. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - h. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - i. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - j. Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
 - k. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - l. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 20. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 23 Điều lệ công ty)

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

(Căn cứ quy định tại Điều 22 Điều lệ công ty)

Các nội dung sau đây có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
- b. Định hướng phát triển công ty;
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;
- e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Tổ chức lại, giải thể công ty;
- h. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- i. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- j. Phê duyệt, bổ sung, sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- k. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

Điều 22. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản

HĐQT không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản các vấn đề khác trừ những trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 22 Điều lệ Công ty và Điều 21 quy chế này.

Điều 23. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

(Căn cứ quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 18; Điều 22, 24 Điều lệ công ty)

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.
3. Quy định về Phiếu lấy ý kiến
 - a. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Mục đích lấy ý kiến;
 - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của cổ đông;
 - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - Phương án bầu cử (nếu có);
 - Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - b. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
 - Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
4. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu

Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu

- a. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- b. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Lưu tài liệu:

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

7. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ công ty.

b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

III. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN

Điều 24. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Lưu ý: Phiếu biểu quyết/ bầu cử không cần gửi kèm thông báo mời họp.

Điều 25. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

1. Điều kiện tham gia:

- Có tên trong danh sách cổ đông (DSCĐ) có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.
- Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

2. Yêu cầu kỹ thuật:

Đại biểu cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet...).

3. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi Đại biểu đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 26 Quy chế này và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 26. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử

1. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.
2. Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.
3. Đại biểu sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử theo nội dung của chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 27. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này.
2. Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:

Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền trực tuyến, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.

Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.
- Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.
- Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức.

Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.

Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 28. Điều kiện tiến hành

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 29. Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến

a. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông;
- Chỉ có Đại biểu mới Được tham gia thảo luận;
- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của đại hội;
- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.

b. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- Trên cơ sở nội dung thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời sau.

Điều 30. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức bỏ phiếu điện tử.

Điều 31. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

a. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

- Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc không ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.
- Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

b. Cách thức bỏ phiếu bầu cử:

- Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu: Nếu điều lệ Công ty không có quy định khác việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (bầu dồn đều hoặc bầu ghi số). Theo đó, Đại biểu thực hiện việc bầu cử bằng cách đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” hoặc ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng trên Phiếu bầu cử đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.
- Bầu cử theo phương thức biểu quyết (nếu có): Thực hiện theo quy định bỏ phiếu biểu quyết nêu tại Khoản a Điều này.

c. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:

- Trường hợp Đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.
- Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.
- Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.
- Trong trường hợp, Đại biểu thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là theo quy định tại Quy chế bầu cử.
- Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong quy chế làm việc tại đại hội. Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.

Điều 32. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến

Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số biểu quyết tán thành, biểu quyết không tán thành và biểu quyết không ý kiến.

Điều 33. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Căn cứ biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại Điều 32 Quy chế này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 34. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- Thực hiện theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.
- Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản Đại hội đồng cổ đông trực tuyến là địa điểm Chủ tọa Đại hội có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.
- Hình thức thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 35. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

IV. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN

Điều 36. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Điều 37. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 và Điều 25 Quy chế này.

Điều 38. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 và Điều 27 Quy chế này.

Điều 39. Điều kiện tiến hành

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 30 Quy chế này.

Điều 41. Cách thức bỏ phiếu

Thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 và Điều 31 Quy chế này.

Điều 42. Cách thức kiểm phiếu

Thực hiện theo quy định tại Điều 15 và Điều 32 Quy chế này.

Điều 43. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 33 Quy chế này.

Điều 44. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 34 Quy chế này.

Điều 45. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

CHƯƠNG 3 – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục 1. Quy định chung

Điều 46. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 278, 297 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)

HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra HĐQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty;
2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty;
3. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;
4. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty theo hướng dẫn tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
5. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
6. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 270 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
7. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty;
9. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật hiện hành;
10. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ công ty.

Điều 47. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 277 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, quy chế quản trị nội bộ công ty trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;

- b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
- c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
- d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.

Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT

Điều 48. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 26 Điều lệ công ty)

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau:
 - a. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
 - c. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của 01 công ty đại chúng.

- Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

Điều 50. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 274 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ; Khoản 1,2,3 Điều 25 Điều lệ công ty)

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.
- Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 51. Cách thức bầu thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty)

- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên cần bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
- Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 52. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ Điều 160 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

- Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
 - Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
- Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 53. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của Luật hiện hành.

Điều 54. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

Điều 55. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 29 Điều lệ công ty)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Mục 3 – Thù lao, lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 56. Thù lao, lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 28 Điều lệ công ty)

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Mục 4 – Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

Điều 57. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 30 Điều lệ công ty)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

Điều 58. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 30 Điều lệ công ty)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 59. Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 30 Điều lệ công ty)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 60. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 30 Điều lệ công ty)

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 61. Cách thức biểu quyết

(Căn cứ Điều 30 Điều lệ công ty)

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
3. Biểu quyết
 - a. Trừ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30 Điều lệ Công ty, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 43 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
 - e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
4. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
5. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty.
- Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
6. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 62. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

(Căn cứ Điều 30 Điều lệ công ty)

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 63. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ Điều 30 Điều lệ công ty)

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 64. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 158 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điều 65 Quy chế này.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Điều 65. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 158 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Điều 64 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực.

Điều 66. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Sau khi ban hành Nghị quyết/Quyết định HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định hiện hành.

Mục 5 - Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 67. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT

(Căn cứ, Điều 31 Điều lệ công ty)

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Mục 6 - Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Điều 68. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

(Căn cứ Khoản 2 Điều 32 Điều lệ công ty)

Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 69. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

(Căn cứ Khoản 1 Điều 32 Điều lệ công ty)

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

Điều 70. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. HĐQT có thể bãi nhiệm/miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
2. Người phụ trách quản trị công ty có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 71. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 72. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

(Căn cứ Khoản 3 Điều 32 Điều lệ công ty)

Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT

Mục 1. Quy định chung

Điều 73. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ Điều 287, Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)

1. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
3. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; khi xét thấy cần thiết đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận.
 - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
 - c. Giám sát tình hình tài chính của công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.
 - d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
 - e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
 - f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát để công ty đại chúng tham chiếu xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
 - g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Mục 2. Quy định về Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

Điều 74. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần và cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 168 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Khoản 1 Điều 38 Điều lệ công ty)

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty từ ba (03) đến năm (05) thành viên.
2. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
4. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.
5. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 75. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Khoản 2 Điều 38 Điều lệ công ty)

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
 - c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
 - d. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
 - e. Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - f. Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó;
 - g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên công ty đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 02 Điều 169 của luật doanh nghiệp.
3. Trưởng Ban kiểm soát - phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 76. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 285 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Điều 37 Điều lệ công ty)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ Công ty. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 37 Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử tương tự theo quy định tại Khoản 2 Điều 50 Quy chế này. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 77. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty)

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên cần bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát hoặc Điều lệ công ty.
2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Ban Kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Ban Kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 78. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 174 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 79. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 80. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 172 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

CHƯƠNG 5 - TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 81. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

(Căn cứ Khoản 2, 4 Điều 35 Điều lệ công ty)

1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
2. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 82. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

(Căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 162 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Khoản 3 Điều 35 Điều lệ công ty)

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
- c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

Điều 83. Ứng cử, đề cử Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc, các thành viên HĐQT có quyền đề cử ứng viên Tổng Giám đốc theo đúng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 82 Quy chế này và trình lên HĐQT xem xét khi Công ty có nhu cầu tìm kiếm Tổng Giám đốc.

Điều 84. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

(Căn cứ Khoản 1, Khoản 5 Điều 35 Điều lệ công ty)

Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Hội đồng quản trị có thẩm quyền ký kết/ chấm dứt hợp đồng và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại Điểm i Khoản 2 Điều 27 và Điều 35 Điều lệ công ty.

Điều 85. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 86. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

(Căn cứ Khoản 3, Khoản 4 Điều 34 Điều lệ công ty)

1. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
2. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG 6 – CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Mục 1 – Quy định về phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Điều 87. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Mục 4 Chương 3 Quy chế này.

Điều 88. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 171 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

Nghị quyết/ Quyết định, biên bản họp HĐQT sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 89. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Tổng Giám đốc

Nghị quyết/ Quyết định HĐQT (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 90. Các trường hợp Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điểm h Khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Khoản 4 Điều 35, Điều 40 Điều lệ công ty)

1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp HĐQT
 - a. Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:
 - Khi có yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp;
 - Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty;
 - Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT theo quy định tại Khoản 5 Điều 40 Điều lệ công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - b. Tổng Giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:
 - Khi xét thấy các quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 35 Điều lệ công ty không được thực thi;
 - Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:
 - a. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - b. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - c. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - d. Xin ý kiến HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;
 - e. Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty.

Điều 91. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

(Căn cứ quy định tại Phụ lục IV Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Khoản 4 Điều 35 Điều lệ công ty)

1. Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;
4. Báo cáo hằng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động;
5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác;
6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.

Điều 92. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc

Căn cứ vào báo cáo của Tổng Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 81 Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT với Tổng Giám đốc.

Điều 93. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 291 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Điều 35, Khoản 3 Điều 43, Điều 45 Điều lệ công ty)

1. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT
 - a. Các nội dung theo Điều 90 quy chế này;
 - b. Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật.
 - c. Các nội dung khác cần xin ý kiến, báo cáo cho HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

Riêng trường hợp chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho BKS
 - a. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.
 - b. Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.
 - c. Cách thức thông báo cho BKS thực hiện như đối với Hội đồng quản trị.

Điều 94. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

1. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT:

BKS có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:

- a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- b. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ;
- c. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
- d. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

- e. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;
- f. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày so với ngày dự định nhận được phản hồi;
- g. Các nội dung kiến nghị đến HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

HĐQT tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng Giám đốc :

BKS có chức năng kiểm tra và giám sát.

- a. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc (cùng lúc yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận) tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ;
 - b. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
 - c. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
 - d. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của BKS phải được gửi đến Công ty trước ít nhất (15) ngày làm việc so với thời gian dự định nhận được phản hồi. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
 - e. Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh công ty của BKS phải được gửi đến Tổng Giám đốc trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.
 - f. Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.
3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và HĐQT: Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.
- a. Khi có Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

- b. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;
- c. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
- d. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;
- e. Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Quy chế này HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

Mục 2 – Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

Hàng năm, Hội đồng quản trị tổ chức họp và đánh giá hoạt động của từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác. Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị sẽ kiến nghị các hình thức khen thưởng và kỷ luật (nếu có) trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CHƯƠNG 7 - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 95. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

CHƯƠNG 8 - NGÀY HIỆU LỰC

Điều 96. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 08 Chương, 96 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

- Căn cứ Luật Chính sách khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chính sách khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chính sách khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày ... tháng ... năm 2021;
- Căn cứ Nghị quyết Ban Kiểm soát số ... ngày ... tháng ... năm 2021 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

MỤC LỤC

ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ	4
CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	4
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát	4
CHƯƠNG II - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	4
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.....	4
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát.....	5
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát	5
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát.....	5
Điều 7. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	6
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	6
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	6
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	7
CHƯƠNG III - BAN KIỂM SOÁT	7
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát.....	7
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	9
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	10
CHƯƠNG IV - CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	10
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát	10
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát	10
CHƯƠNG V - BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	10
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm.....	10
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác	11
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan	11
CHƯƠNG VI - MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	12
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát	12
Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành	12
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị.....	12
CHƯƠNG VII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	13
Điều 22. Hiệu lực thi hành.....	13

ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ

Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thành viên Ban kiểm soát là Kiểm soát viên.

CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG II - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty; trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 đến 05 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
 - đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
 - g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 169 của luật doanh nghiệp.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

3. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Ban Kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Ban Kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III - BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro của Công ty và cảnh báo sớm.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Báo cáo kết quả kiểm tra của Ban kiểm soát phải lập bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau: vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; thời gian kiểm tra; thành viên Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra; các tài liệu đã kiểm tra; kết quả kiểm tra; đánh giá của Ban kiểm soát đối với vấn đề cần kiểm tra. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; khi xét thấy cần thiết, đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV - CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

CHƯƠNG V - BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

- 1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; khi xét thấy cần thiết, đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty.

Điều 17. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
- b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI - MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2021.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CÔNG TY CPDP TIPHARCO

Số: 196-TTr/HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mỹ Tho, ngày 19 tháng 05 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020
và nhiệm kỳ 2021 – 2025 Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco.

Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco.

Toàn văn Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị được đăng tải tại địa chỉ website của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco (www.tipharco.com.vn).

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông thông qua, sẽ có hiệu lực kể từ ngày 21/05/2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phạm Quang Bình

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

- Căn cứ Luật Chính sách kinh doanh ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chính sách kinh doanh;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chính sách kinh doanh;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày ... tháng ... năm 2021;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số ... ngày ... tháng ... năm 2021 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG.....	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	4
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	4
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	4
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị	6
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	7
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	7
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	8
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	9
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	9
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	10
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	11
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.....	12
CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	12
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị	12
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	15
CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	16
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm	16
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	16
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan	17
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	18
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	18
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành	18
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát	18
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	18
Điều 23. Hiệu lực thi hành.....	18

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và những đối tượng liên quan có đề cập trong quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định như sau:

- Thành viên HĐQT phải trình nội dung yêu cầu cung cấp lên HĐQT công ty.

- Xét thấy cần thiết, HĐQT sẽ triệu tập họp để lấy ý kiến trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của thành viên HĐQT về nội dung được yêu cầu cung cấp thông tin.

- Nếu nội dung trên được HĐQT thông qua thì người quản lý được yêu cầu cung cấp thông tin sẽ cung cấp các thông tin theo yêu cầu trong vòng 07 ngày.

Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tối đa 05 Công ty khác;

d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
 - d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (7) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

4. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

5. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- r) Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
- s) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
- t) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất

hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

3. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn ngắn hơn. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
 - b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 15 Quy chế này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 9 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 15 Quy chế này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 43 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

16. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

17. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng Quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
 3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
 4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo

nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Số: 193..-TTr/HĐQT

Mỹ Tho, ngày 29 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

*Về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016 – 2020
và bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2025*

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco.

Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát (BKS) Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco có thời hạn không quá 05 năm. Theo quy định của pháp luật và Điều lệ, HĐQT kính trình ĐHCĐ phê duyệt:

A. Miễn nhiệm thành viên HĐQT và thành viên BKS Công ty do hết nhiệm kỳ 2016 – 2020 theo danh sách cụ thể như sau:

- **Hội đồng quản trị:**

- | | |
|------------------------------|-------------------|
| 1. Ông. Phạm Quang Bình | - Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông. Phạm Trung Nghĩa | - Thành viên HĐQT |
| 3. Ông. Nguyễn Văn Tám | - Thành viên HĐQT |
| 4. Bà. Huỳnh Thị Nguyên Thủy | - Thành viên HĐQT |
| 5. Bà. Đặng Thị Xuân Quyên | - Thành viên HĐQT |
| 6. Ông. Phạm Phước Đức | - Thành viên HĐQT |

- **Ban kiểm soát:**

- | | |
|----------------------------|------------------|
| 1. Bà. Dương Thị Thúy Liễu | - Trưởng BKS |
| 2. Ông. Trần Hoàng Quân | - Thành viên BKS |
| 3. Bà. Trần Thị Thu Vân | - Thành viên BKS |

Theo Điều lệ Công ty việc miễn nhiệm này có hiệu lực kể từ ngày 21/05/2021 và nhiệm kỳ HĐQT, BKS 2021 – 2025 có thời hạn 05 năm bắt đầu kể từ ngày 21/05/2021.

B. Để tiếp tục kiểm soát quá trình hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật, kính đề nghị ĐHCĐ tiến hành bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ mới 2021 – 2025 với nội dung:

- Số lượng thành viên HĐQT đề nghị: Sáu (06) thành viên.
 - Số lượng thành viên BKS đề nghị: Ba (03) thành viên.
- Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *Ph*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Thư ký HĐQT.



Phạm Quang Bình

Mỹ Tho, ngày 29 tháng 04 năm 2021

QUY CHẾ BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO NHIỆM KỲ 2021 – 2025
Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020 và nhiệm kỳ 2021 – 2025

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp hiện hành và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco.

Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCD” hoặc “Đại hội”) Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị (HDQT) và Ban kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2021-2025 theo các quy định sau:

ĐIỀU 1: Các quy định chung

1. Việc bầu thành viên HDQT và Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thực hiện theo nguyên tắc: bầu cử công khai, trực tiếp bằng hình thức bỏ phiếu kín.
2. Việc bầu thành viên HDQT và Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, phù hợp với quy định tại Khoản 3, Điều 148 Luật Doanh nghiệp hiện hành.
3. Đối tượng có quyền bầu cử bao gồm các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết có tên trong **Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCD**.
4. Ngày lập **Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCD**: ngày 29/03/2021.
5. Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu thành viên HDQT và Ban kiểm soát với nhiệm vụ cụ thể gồm:
 - Tổng hợp, lập danh sách những người ứng cử và được đề cử vào HDQT, BKS để thông qua tại Đại hội.



- Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu.
- Giải quyết các khiếu nại (nếu có) về bầu thành viên HĐQT và BKS.

ĐIỀU 2: Số lượng, điều kiện và tiêu chuẩn làm thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT được bầu nhiệm kỳ 2021-2025 là 06 (sáu) thành viên.
2. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Điều kiện và tiêu chuẩn làm thành viên HĐQT:

Thành viên HĐQT là những người đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đồng thời không bị pháp luật cấm làm thành viên HĐQT, cụ thể như sau:

+ Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý theo khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp hiện hành;

+ Có trình độ học vấn, có năng lực tổ chức quản lý doanh nghiệp, có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết và ý thức chấp hành luật pháp.

+ Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

+ Và các tiêu chuẩn khác theo qui định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

ĐIỀU 3: Số lượng và tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên BKS nhiệm kỳ 2021-2025 là 03 (ba) thành viên.
2. Nhiệm kỳ của BKS là 05 (năm) năm; các thành viên BKS có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Tiêu chuẩn thành viên BKS:

+ Từ 21 tuổi trở lên, có đủ hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý theo khoản 2 điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

+ Phải am hiểu kỹ thuật và nghiệp vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

+ Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

+ Thành viên Ban Kiểm soát không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, hoặc Tổng Giám Đốc điều hành, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác của Công ty.

+ Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình thức phạt tù hoặc bị tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, lừa dối khách hàng và các tội khác theo qui định của pháp luật, người có quá trình vi phạm nội qui kỷ luật cơ quan không được chọn làm thành viên Ban Kiểm soát.

+ Và các tiêu chuẩn khác theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

ĐIỀU 4: Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT đương nhiệm đề cử.

ĐIỀU 5: Ứng cử, đề cử thành viên BKS

1. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

ĐIỀU 6: Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào vị trí thành viên HĐQT và BKS

1. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào vị trí thành viên HĐQT và BKS bao gồm:

- Đơn ứng cử hoặc đề cử thành viên HĐQT và BKS (theo mẫu đính kèm *Quy chế này*);

- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu đính kèm *Quy chế này*);

- Bản sao hợp lệ Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn;

- Giấy xác nhận số cổ phần mà cổ đông (nếu tự ứng cử) hoặc cổ đông, nhóm cổ đông (nếu đề cử) sở hữu liên tục trong 06 tháng gần nhất hoặc giấy tờ tương đương của công ty chứng khoán nơi cổ đông hoặc nhóm cổ đông đó mở tài khoản hoặc của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (tính đến ngày 29/03/2021 – ngày chốt Danh sách cổ đông hợp ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2020 của Công ty).

2. Hồ sơ tham gia ứng cử/đề cử thành viên HĐQT và BKS phải gửi về Ban Tổ chức Đại hội trước 16h30 ngày 19 tháng 05 năm 2021 theo địa chỉ sau:

Phòng Nhân sự - Hành chính Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Tipharco.

Địa chỉ: Lô 08, 09 CCN & TTCN Tân Mỹ Chánh, phường 09, Tp. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.

Điện thoại: 0273.3871817 (Gặp Ông Lê Tấn Long).

3. Đối với các trường hợp đề cử/ứng cử tại Đại hội thì cổ đông/nhóm cổ đông đề cử/ứng cử phải cung cấp hồ sơ đề cử/ứng cử cho Chủ tọa ngay trước khi khai mạc Đại hội để được xem xét.

4. Chỉ những hồ sơ đề cử/ứng cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử/ứng cử và những ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT và BKS mới được đưa vào danh sách ứng cử viên công bố tại Đại hội.

ĐIỀU 7: Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách ứng cử / đề cử vào HĐQT và BKS.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Giới thiệu phiếu, phát phiếu bầu, hướng dẫn và giải đáp thắc mắc trong quá trình bầu cử.

- Tiến hành kiểm phiếu.

- Lập Biên bản kết quả kiểm phiếu.

3. Các nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

- Việc kiểm phiếu được Ban kiểm phiếu tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và được thực hiện ở một phòng riêng có sự giám sát của đại diện cổ đông và/ hoặc Chủ tọa Đại hội.

- Ban kiểm phiếu kiểm đếm toàn bộ Phiếu bầu được bỏ vào Thùng phiếu, xác định số phiếu hợp lệ và không hợp lệ theo quy định, thống kê số lượng phiếu bầu cho từng ứng cử viên theo từng Phiếu bầu để tổng hợp kết quả kiểm phiếu.

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu lập Biên bản kết quả kiểm phiếu. Trưởng Ban kiểm phiếu hoặc Chủ tọa đọc Biên bản này ngay tại Đại hội.

ĐIỀU 8: Thủ tục, trình tự bầu thành viên HĐQT

1. Ban kiểm phiếu hướng dẫn bầu cử tại Đại hội và phát một (01) Phiếu bầu thành viên HĐQT cho mỗi cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội.

2. Khi được phát Phiếu bầu, cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải kiểm tra lại tổng số cổ phần của Phiếu bầu được phát. Nếu tổng số cổ phần ghi trên Phiếu bầu không bằng với tổng số cổ phần của cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông đó sở hữu/ đại diện, cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu tại thời điểm nhận phiếu để được kiểm tra lại và xử lý kịp thời.

3. Cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông lựa chọn các ứng cử viên mình tin nhiệm để bầu trong danh sách các ứng cử viên đã ghi sẵn trên mỗi phiếu bầu và thực hiện bầu thành viên HĐQT theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Điều 11 Quy chế này.

4. Trong trường hợp viết sai trên Phiếu bầu, cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông không được tẩy xóa mà phải đề nghị Ban kiểm phiếu đổi lại Phiếu bầu mới.



5. Cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông hoàn tất việc điền vào Phiếu bầu, ký tên trên Phiếu bầu và bỏ vào Hòm phiếu do Ban Tổ chức Đại hội chuẩn bị sẵn.

ĐIỀU 9: Thủ tục, trình tự bầu thành viên BKS: Thực hiện tương tự như thủ tục, trình tự bầu thành viên HĐQT tại Điều 8.

ĐIỀU 10: Phiếu bầu thành viên HĐQT và BKS

1. Phiếu bầu do Ban Tổ chức Đại hội phát hành và bao gồm các nội dung, đặc điểm sau:
 - a. Thông tin về cổ đông và cổ phần: Mã số của cổ đông; Số cổ phần mà cổ đông sở hữu và đại diện sở hữu; Tổng số quyền bầu.
 - b. Danh sách các ứng cử viên thành viên HĐQT và BKS.
 - c. Được đóng dấu treo của Công ty (đóng dấu ở phía trên, bên góc trái của phiếu).
2. Phiếu bầu không hợp lệ sẽ không có giá trị khi kiểm phiếu và không được tính vào kết quả bầu cử. Các Phiếu bầu không hợp lệ bao gồm:
 - a. Phiếu không phải do Ban Tổ chức Đại hội phát hành, không đóng dấu treo của Công ty.
 - b. Phiếu bị rách, gach, tẩy xóa, sửa chữa nội dung.
 - c. Phiếu bầu quá số thành viên HĐQT và BKS theo quy định hoặc không bầu ai trong danh sách ứng cử và/ hoặc đề cử đã được Đại hội thông qua.
 - d. Phiếu bầu ghi thêm tên những người ngoài danh sách ứng cử và/ hoặc đề cử đã được Đại hội thông qua.
 - e. Phiếu bầu có tổng cộng số phiếu biểu quyết cho tất cả ứng cử viên mà cổ đông chọn lớn hơn tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông.
 - f. Phiếu bầu nộp cho Ban kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu đã kết thúc.
 - g. Phiếu bầu thiếu chữ ký hợp lệ của cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông hoặc có chữ ký nhưng không hợp lệ, không được ký bởi cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông.
 - h. Phiếu bầu không sử dụng phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Điều 11.

ĐIỀU 11: Phương thức bầu dồn phiếu

1. Quy định về việc bầu dồn phiếu:

Việc bầu cử thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2021-2025 được tiến hành theo nguyên tắc bầu dồn phiếu, trong đó cổ đông có quyền sử dụng tổng số quyền bầu cử của

mình cho một ứng cử viên; hoặc một số ứng cử viên với số lượng bầu cho mỗi ứng cử viên không bắt buộc phải bằng nhau; hoặc chỉ bầu một phần tổng số quyền bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên, phần quyền bầu còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào. Số lượng ứng viên được bầu trong mỗi phiếu không được vượt quá số lượng tối đa được phép bầu.

2. Cách thức bầu dồn phiếu:

a. Xác định tổng số quyền bầu cử của 1 cử động (hoặc đại diện cử động):

Tổng số quyền bầu cử của cử động/đại diện cử động được xác định theo công thức sau :

$$\boxed{\text{Tổng số quyền bầu cử}} = \boxed{\text{Tổng số cử phần nắm giữ hoặc đại diện}} * \boxed{\text{Số thành viên được bầu}}$$

b. Cách thức bỏ phiếu:

- Thực chất việc bầu cử là phân phối toàn bộ hoặc một phần tổng số quyền bầu cử của mình cho **một hoặc một số** ứng viên, trong đó số lượng phân phối cho mỗi ứng viên có thể khác nhau, tùy thuộc vào sự tín nhiệm đối với ứng viên đó.

- Trên mỗi phiếu bầu có ghi rõ tổng số quyền bầu của người cầm phiếu. Số này trên từng phiếu là khác nhau tùy theo số cử phần có quyền biểu quyết hiện đang nắm giữ hoặc đại diện. Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên không được vượt quá số này.

ĐIỀU 12: Điều kiện trúng cử

- Người trúng cử thành viên HĐQT và BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT và BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

- Ứng cử viên phải có số phiếu bầu hợp lệ đạt tỷ lệ $\geq 51\%$ tổng số cử phần có quyền biểu quyết dự họp theo cách tính sau đây:

Tỷ lệ số phiếu bầu = (Tổng số phiếu bầu cho ứng cử viên/tổng số cử phần có quyền biểu quyết dự họp) x 100%, tỷ lệ này phải $\geq 51\%$.

ĐIỀU 13: Các quy định khác

1. Mọi cổ đông / đại diện theo ủy quyền của cổ đông đều có quyền chất vấn trước Đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc bầu thành viên HĐQT và BKS.

2. Mọi khiếu nại về kết quả bầu cử phải được xem xét và giải quyết ngay tại Đại hội. Trường hợp có khiếu nại, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.

3. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua và chỉ được áp dụng tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020 và nhiệm kỳ 2021 – 2025 của Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Quang Bình



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

ĐƠN ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2021 – 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020 và nhiệm kỳ 2021 – 2025.

Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2016 – 2020

Tôi tên là:.....
CMND/ Hộ chiếu/ GĐKKD số:.....Ngày cấp:.....
Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú :.....
Đơn vị Công tác:.....
Trình độ học vấn:..... Chuyên ngành:
Hiện đang sở hữu: cổ phần. (Bằng chữ:.....)
.....)
Và Đại diện sở hữu:..... cổ phần (Bằng chữ:.....)
.....)
của Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Tipharco.

Đề nghị Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Dược phẩm Tipharco cho tôi được tự đề cử, làm ứng cử viên tham gia vào Hội đồng Quản trị của Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Tipharco nhiệm kỳ 2021 - 2025.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị, tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Tipharco.

Xin trân trọng cảm ơn.

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/Hộ chiếu;
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên. (hoặc Phiếu lý lịch tư pháp cho người không có quốc tịch Việt Nam.)

Ngàythángnăm 2021

Người ứng cử

(Ký, ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2021 – 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020 và nhiệm kỳ 2021 – 2025.

Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2016 – 2020

Họ tên cổ đông:.....
CMND/ Hộ chiếu/ GĐKKD số:..... Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
Người đại diện theo pháp luật (nếu có):.....
Hiện đang sở hữu:cổ phần. (Bằng chữ:.....
.....)

Đề nghị Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Tipharco cho tôi/
Công ty tôi đề cử:

Ông /Bà:.....
CMND/ Hộ chiếu số:.....
Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
Địa chỉ thường trú:

Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Tipharco nhiệm kỳ 2021 – 2025 tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020 và nhiệm kỳ 2021 - 2025 của Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Tipharco.

Xin trân trọng cảm ơn.

Hồ sơ ứng cử viên kèm theo:

- Bản sao CMND/Hộ chiếu;
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên; (hoặc Phiếu lý lịch tư pháp cho người không có quốc tịch Việt Nam).

Ngàythángnăm 2021

Người đề cử

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc



ĐƠN ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2021 - 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020 và nhiệm kỳ 2021 – 2025.

Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2016 – 2020

Tôi tên là:.....
CMND/ Hộ chiếu/ GĐKKD số:.....Ngày cấp:.....
Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú :.....
Đơn vị Công tác:.....
Trình độ học vấn:..... Chuyên ngành:
Hiện đang sở hữu: cổ phần. (Bằng chữ:.....)
.....)
Và Đại diện sở hữu:..... cổ phần (Bằng chữ:.....)
.....)
của Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Tipharco.

Đề nghị Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Dược phẩm Tipharco cho tôi được tự đề cử, làm ứng cử viên tham gia vào thành viên Ban kiểm soát của Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Tipharco nhiệm kỳ 2021 - 2025.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Ban kiểm soát, tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Tipharco.

Xin trân trọng cảm ơn.

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/Hộ chiếu;
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên. (hoặc Phiếu lý lịch tư pháp cho người không có quốc tịch Việt Nam.)

Ngàythángnăm 2021

Người ứng cử

(Ký, ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2021 - 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020 và nhiệm kỳ 2021 – 2025.

Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2016 – 2020

Họ tên cổ đông:.....
CMND/ Hộ chiếu/ GĐKKD số: Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
Người đại diện theo pháp luật (nếu có):.....
Hiện đang sở hữu:cổ phần. (Bằng chữ:.....)

Đề nghị Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Tipharco cho tôi/ Công ty tôi đề cử:

Ông /Bà:.....
CMND/ Hộ chiếu số:.....
Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
Địa chỉ thường trú:

Làm ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát của Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Tipharco nhiệm kỳ 2021 – 2025 tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020 và nhiệm kỳ 2021 – 2025 của Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Tipharco.

Xin trân trọng cảm ơn.

Hồ sơ ứng cử viên kèm theo:

- Bản sao CMND/Hộ chiếu;
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên; (hoặc Phiếu lý lịch tư pháp cho người không có quốc tịch Việt Nam).

Ngàythángnăm 2021

Người đề cử

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



....., ngày tháng năm 2021

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng để tham gia làm ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco)

- Họ và tên:
- Giới tính: Nam: Nữ:
- Ngày sinh:
- Quốc tịch:
- CMND/Căn cước số: Ngày cấp: Nơi cấp:
- Địa chỉ thường trú:
- Số điện thoại liên lạc:
- Trình độ văn hoá:
- Trình độ chuyên môn:
- Quá trình công tác:

Từ năm... đến năm...	Đơn vị công tác	Chức vụ

- Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác):
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: cổ phiếu, trong đó:
 - Số lượng cổ phiếu do cá nhân trực tiếp sở hữu: cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu do được đại diện phần vốn góp: cổ phiếu

Tôi xin cam đoan có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật

Việt Nam và xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)



....., ngày tháng năm 2021

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng để tham gia làm ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco)

- Họ và tên:
- Giới tính: Nam: Nữ:
- Ngày sinh:
- Quốc tịch:
- CMND/Căn cước số: Ngày cấp: Nơi cấp:
- Địa chỉ thường trú:
- Số điện thoại liên lạc:
- Trình độ văn hoá:
- Trình độ chuyên môn:
- Quá trình công tác:

Từ năm... đến năm...	Đơn vị công tác	Chức vụ

- Các chức danh quản lý khác:
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: cổ phiếu, trong đó:
 - Số lượng cổ phiếu do cá nhân trực tiếp sở hữu: cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu do được đại diện phần vốn góp: cổ phiếu

Tôi xin cam đoan có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật Việt Nam và xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mỹ Tho, ngày 29 tháng 04 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO***(V/v Danh sách đề cử bầu Thành viên Hội đồng quản trị
và Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2025)***HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco;
- Căn cứ Tờ trình số: 193-TTr/HĐQT ngày 29/04/2021 về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016 – 2020 và bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2025;
- Căn cứ Quy chế bầu cử bầu Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco nhiệm kỳ 2021 – 2025;

Điều 1: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco thống nhất danh sách đề cử bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2025 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020 và nhiệm kỳ 2021 – 2025 như sau:

A - Thành viên Hội đồng quản trị:**1. Ông Phạm Quang Bình**

Sinh ngày: 06/06/1954 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

CMND/Căn cước số: 310663953 Ngày cấp: 08/09/2006

Nơi cấp: CA Tiền Giang

Địa chỉ thường trú: 1/12 Đường Học Lạc, KP 7, P.8, Mỹ Tho, Tiền Giang.

2. Ông Phạm Trung Nghĩa

Sinh ngày: 01/01/1952 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

CMND/Căn cước số: 082052000010 Ngày cấp: 07/01/2016

Nơi cấp: CA. TP.HCM

Địa chỉ thường trú: số 4, đường số 10, Khu biệt thự sông Ông Lớn, Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Ông Nguyễn Văn Tám

Sinh ngày: 15/07/1964 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam



CMND/Căn cước số: 080064000377 Ngày cấp: 11/07/2018

Nơi cấp: CA. TP.HCM

Địa chỉ thường trú: 632 Bà Hạt, Phường 6, Quận 10, Tp. HCM.

4. Bà Huỳnh Thị Nguyên Thủy

Sinh ngày: 08/11/1974 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

CMND/Căn cước số: 062174000002 Ngày cấp: 13/09/2016

Nơi cấp: HCM

Địa chỉ thường trú: 47D Hoa Lan, P.2, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM.

5. Ông Phạm Phước Đức

Sinh ngày: 06/06/1974 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

CMND/Căn cước số: 001074008078 Ngày cấp: 14/01/2016.

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL Cư Trú và DLQG về Dân Cư

Địa chỉ thường trú: 49/3 Hoàng Du Khương, Phường 12, Quận 10, Tp. HCM.

6. Bà Đặng Thị Xuân Quyên

Sinh ngày: 19/02/1978 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

CMND/Căn cước số: 311531212 Ngày cấp: 01/08/2015

Nơi cấp: CA. Tiền Giang

Địa chỉ thường trú: 656 Ấp Bắc, P.5, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang.

B - Thành viên Ban kiểm soát:

1. Bà Dương Thị Thúy Liễu

Sinh ngày: 01/01/1986 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

CMND/Căn cước số: 311881372 Ngày cấp: 10/8/2016

Nơi cấp: CA. Tiền Giang

Địa chỉ thường trú: Tân Hòa, Tân Hội Đông, Châu Thành, Tiền Giang.

2. Bà Lê Thị Phương Loan

Sinh ngày: 12/01/1984 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

CMND/Căn cước số: 311746250 Ngày cấp: 09/08/2014

Nơi cấp: CA. Tiền Giang

Địa chỉ thường trú: Ấp Mỹ Hòa, xã Mỹ Phong, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang.

3. Ông Trần Hoàng Quân

Sinh ngày: 25/07/1979 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

CMND/Căn cước số: 311535730 Ngày cấp: 28/12/2011

Nơi cấp: CA. Tiền Giang

Địa chỉ thường trú: Tân Hương, Châu Thành, Tiền Giang.

Điều 2: Hội đồng quản trị Công ty trình danh sách đề cử trên để bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020 và nhiệm kỳ 2021 - 2025.

Điều 4: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH *[Signature]*



Phạm Quang Bình





CÔNG TY CPDP TIPHARCO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mỹ Tho, ngày 29 tháng 04 năm 2021

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG ỨNG VIÊN BẦU VÀO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VÀ BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO NHIỆM KỲ 2021 – 2025**

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ	Chức vụ hiện nay tại Công ty/Cơ quan khác	Quá trình công tác
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ					
01	Phạm Quang Bình	06/06/1954	Dược sĩ Đại Học	Chủ tịch HĐQT Công ty CPDP Tipharco	Từ tháng 05/1980 – tháng 11/1980: Kỹ thuật viên phân xưởng chế biến CT Dược & Vật Tư Y Tế Tiền Giang Từ tháng 12/1980 – tháng 12/1989: Trưởng phân xưởng chế biến CT Dược & Vật Tư Y Tế Tiền Giang Từ tháng 01/1990 – tháng 03/1993: Phó quản đốc xưởng Sản xuất CT Dược & Vật Tư Y Tế Tiền Giang Từ tháng 04/1993 – tháng 09/1999: Phó phòng Kỹ thuật Kiểm nghiệm CT Dược & Vật Tư Y Tế Tiền Giang Từ tháng 09/1999 – tháng 05/2010: Phó Tổng Giám đốc CTCP Dược phẩm Tipharco Từ tháng 06/2010 – tháng 03/2011: Tổng Giám đốc CTCP Dược phẩm Tipharco Từ tháng 04/2011 – tháng 31/12/2020: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Dược phẩm Tipharco Từ tháng 01/01/2021 - nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Dược phẩm Tipharco

02	Phạm Trung Nghĩa	01/01/1952	Đại Học Hóa Sinh	TV HĐQT Công ty CPDP Tipharco	Từ năm 1994 – nay: Chủ tịch HĐQT CT TNHH Dược phẩm Đại Việt Á Từ năm 2001 – nay: Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm TW25 Từ năm 2006 – 2016: Chủ tịch HĐQT CTCP Dược phẩm Euvipharm - TV Tập đoàn Valeant Từ năm 2006 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Tipharco Từ năm 2007 – nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Phạm Gia Hưng
03	Nguyễn Văn Tám	15/07/1964	Cao Đẳng Marketing	TV HĐQT Công ty CPDP Tipharco	Từ năm 1995 – năm 2000: Nhân viên Xí nghiệp Dược phẩm Long An Từ năm 2001 – năm 2005: Phụ trách cửa hàng giới thiệu sản phẩm Xí nghiệp Dược phẩm MeBiPhar Từ năm 2005 – nay: Giám đốc CT TNHH Dược phẩm Thiên Khánh Từ năm 2006 – nay: Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Tipharco
04	Huỳnh Thị Nguyên Thủy	08/11/1974	Dược sĩ Đại Học	TV HĐQT Công ty CPDP Tipharco	Từ năm 1999 – năm 2003: Làm việc tại Bệnh viện da khoa Tỉnh Kon Tum – Khoa Dược Từ năm 2004 – năm 2006: Làm việc tại CTCP Dược TW Medipharco Tenamyd – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh Từ năm 2007 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc CTCP Dược Vật Tư Y Tế Kon Tum Từ năm 2012 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Tipharco Từ 2016 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Đầu Tư và Phát Triển Y Tế KonTum
05	Phạm Phước Đức	06/06/1974	Kỹ Sư máy tính	TV HĐQT Công ty CPDP Tipharco	1997 - 2006: Trưởng phòng Phát Triển (Phần Mềm) Global CyberSoft (Việt Nam) 2006 - 2009: Quản lý Dự Án (Xây dựng nhà máy) Công ty CP Dược Phẩm Châu Âu 2009 - 2013: Giám Đốc Kinh Doanh Công ty CP Dược Phẩm Euvipharm 2013 - 2016: Giám đốc hoạt động Công ty CP Dược Phẩm Euvipharm – Thành Viên Tập Đoàn Valeant 29/05/2020 – nay: Thành viên HĐQT Công ty CPPD Tipharco

N: 12
CỘ
CỘ
DƯỢC
TIPH
HO-

06	Đặng Thị Xuân Quyên	19/02/1978	Dược sĩ Đại Học	TV HQQT Kiêm Tổng giám đốc Công ty CPDP Tipharco	Từ 09/03/2002 – 24/05/2003: Nhân viên Xưởng Nonbetalactam CT Dược và Vật Tư Y Tế Tiền Giang Từ 25/05/2003 – 31/10/2004: Nhân viên Phòng Nghiên cứu phát triển (RD) CT Dược và Vật Tư Y Tế Tiền Giang Từ 01/11/2004 – 31/07/2005: Phó Phòng Nghiên cứu phát triển (RD) CT Dược và Vật Tư Y Tế Tiền Giang Từ 01/08/2005 – 15/04/2013: Trưởng Phòng đảm bảo chất lượng (QA) CTCP Dược phẩm Tipharco Từ 15/04/2013 – 28/05/2020: Phó Tổng Giám đốc CTCP Dược phẩm Tipharco Từ 29/05/2020 – 31/12/2020: TV HQQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Dược phẩm Tipharco Từ 01/01/2021 – nay: TV HQQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Dược phẩm Tipharco
BAN KIỂM SOÁT					
01	Dương Thị Thúy Liễu	01/01/1986	Cử nhân Kế toán	Trưởng Ban kiểm soát Công ty CPDP Tipharco	Từ tháng 11/2007 – tháng 10/2008: Kế toán tổng hợp CTCP Đầu Tư Xây Dựng Viễn Thông Hoàng Hưng Từ 01/08/2009 – 24/03/2011: Nhân viên kế toán Trung tâm Dược phẩm Mỹ Tho thuộc CTCP Dược phẩm Tipharco Từ 25/03/2011 – nay: Trưởng BKS CTCP Dược phẩm Tipharco
02	Lê Thị Phương Loan	12/01/1984	Dược sĩ Đại học	Trưởng xưởng Dược liệu Công ty CPDP Tipharco	01/2006 - 05/2011: Nhân viên phòng QA Công ty CPDP Tipharco 06/2011 - 08/2015: Học Trường Đại học Y Dược TP. HCM 09/2015 - 11/2015: Nhân viên phòng QC Công ty CPDP Tipharco 12/2015 - 12/2016: Nhân viên xưởng sản xuất Non-betalactam Công ty CPDP Tipharco 01/2017-09/2017: Kỹ thuật viên xưởng sản xuất Non-betalactam Công ty CPDP Tipharco 10/2017-02/2019: Phụ trách xưởng dược liệu Công ty CPDP Tipharco 03/2019 - nay: Trưởng xưởng dược liệu Công ty CPDP Tipharco

01005
H TỶ
PHÂN
PHÁP
ARCO
TIỀN

03	Trần Hoàng Quân	25/07/1979	Dược sĩ Đại học	TV Ban Kiểm soát Công ty CPDP Tipharco	<p>Từ 26/07/2001 – 16/09/2007: Nhân viên bán hàng Trung tâm mua bán thuốc Châu Thành, Tiền Giang</p> <p>Từ 01/09/2011 – 28/02/2012: Nhân viên sản xuất CTCP Dược phẩm Tipharco</p> <p>Từ 01/03/2012 – 14/04/2013: Kỹ thuật viên Xưởng sản xuất CTCP Dược phẩm Tipharco</p> <p>Từ 15/04/2013 – 31/03/2014: Phó Phòng đảm bảo chất lượng CTCP Dược phẩm Tipharco</p> <p>Từ 01/04/2014 – nay: Trưởng Phòng đảm bảo chất lượng CTCP Dược phẩm Tipharco</p> <p>Từ năm 2012 – nay: Thành viên BKS CTCP Dược phẩm Tipharco</p> <p>Từ 01/11/2020 - nay: Giám đốc chất lượng kiêm Thành viên BKS CTCP Dược phẩm Tipharco</p>
----	-----------------	------------	-----------------	--	---



Tiền Giang, ngày 29 tháng 04 năm 2021

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng để tham gia làm ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco)

1. Họ và tên: PHẠM QUANG BÌNH
2. Giới tính: Nam: Nữ:
3. Ngày sinh: 06/06/1954
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. CMND/Căn cước số: 310663953 Ngày cấp: 08/09/2006 Nơi cấp: CA. Tiền Giang
6. Địa chỉ thường trú: 1/12 Đường Học Lạc, KP 7, P.8, Mỹ Tho, Tiền Giang
7. Số điện thoại liên lạc: 0913879379
8. Trình độ văn hoá: 12/12
9. Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại Học
10. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 05/1980 – tháng 11/1980	CT Dược & Vật Tư Y Tế Tiền Giang	Kỹ thuật viên phân xưởng chế biến
Từ tháng 12/1980 – tháng 12/1989	CT Dược & Vật Tư Y Tế Tiền Giang	Trưởng phân xưởng chế biến
Từ tháng 01/1990 – tháng 03/1993	CT Dược & Vật Tư Y Tế Tiền Giang	Phó quản đốc xưởng Sản xuất
Từ tháng 04/1993 – tháng 09/1999	CT Dược & Vật Tư Y Tế Tiền Giang	Phó phòng Kỹ thuật Kiểm nghiệm
Từ tháng 09/1999 – tháng 05/2010	CTCP Dược phẩm Tipharco	Phó Tổng Giám đốc
Từ tháng 06/2010 – tháng 03/2011	CTCP Dược phẩm Tipharco	Tổng Giám đốc
Từ tháng 04/2011 – tháng 31/12/2020	CTCP Dược phẩm Tipharco	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Từ tháng 01/01/2021 - nay	CTCP Dược phẩm Tipharco	Chủ tịch HĐQT

11. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác):

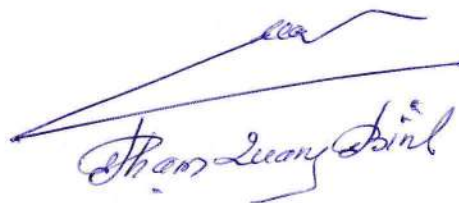
12. Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 156.990 cổ phiếu, trong đó:

- Số lượng cổ phiếu do cá nhân trực tiếp sở hữu: 156.990 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu do được đại diện phần vốn góp: 0 cổ phiếu

Tôi xin cam đoan có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật Việt Nam và xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

A handwritten signature in blue ink, consisting of a stylized flourish above the name 'Phạm Lương Bình' written in a cursive script.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2021

SƠ YẾU LÝ LỊCH

*(Dùng để tham gia làm ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco nhiệm kỳ 2021-2025)*

1. Họ và tên: PHẠM TRUNG NGHĨA
2. Giới tính: Nam: Nữ:
3. Ngày sinh: 01/01/1952
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. CMND/Căn cước số: 082052000010 Ngày cấp: 07/01/2016 Nơi cấp: CA. TP.HCM
6. Địa chỉ thường trú: số 4, đường số 10, Khu biệt thự sông Ông Lớn, Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh.
7. Số điện thoại liên lạc: 0903802891
8. Trình độ văn hoá: 12/12
9. Trình độ chuyên môn: Đại Học Hóa Sinh
10. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1994 – nay	CT TNHH Dược phẩm Đại Việt Á	Chủ tịch HĐQT
Từ năm 2001 – nay	CTCP Dược phẩm TW25	Thành viên HĐQT
Từ năm 2006 – 2016	CTCP Dược phẩm Euvipharm - TV Tập đoàn Valeant	Chủ tịch HĐQT
Từ năm 2006 - nay	CTCP Dược phẩm Tipharco	Thành viên HĐQT
Từ năm 2007 – nay	CTCP Phạm Gia Hưng	Chủ tịch HĐQT

11. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác):

- Chủ tịch HĐQT CT TNHH Dược phẩm Đại Việt Á.
- Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm TW25.
- Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Tipharco.
- Chủ tịch HĐQT CTCP Phạm Gia Hưng.

12. Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 1.906.704 cổ phiếu, trong đó:

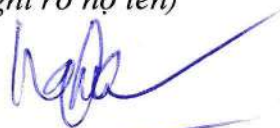
- Số lượng cổ phiếu do cá nhân trực tiếp sở hữu: 457.203 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu do được đại diện phần vốn góp: 1.449.501 cổ phiếu

Tôi xin cam đoan có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật

Việt Nam và xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)



Phạm Trung Nghĩa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2021

SƠ YẾU LÝ LỊCH

*(Dùng để tham gia làm ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco)*

1. Họ và tên: NGUYỄN VĂN TÁM
2. Giới tính: Nam: Nữ:
3. Ngày sinh: 15/07/1964
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. CMND/Căn cước số: 080064000377 Ngày cấp: 11/07/2018 Nơi cấp: CA. TP.HCM
6. Địa chỉ thường trú: 632 Bà Hạt, Phường 6, Quận 10, Tp. HCM
7. Số điện thoại liên lạc: 0908212712
8. Trình độ văn hoá: 12/12
9. Trình độ chuyên môn: Cao Đẳng Marketing
10. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1995 – năm 2000	Xí nghiệp Dược phẩm Long An	Nhân viên
Từ năm 2001 – năm 2005	Xí nghiệp Dược phẩm MeBiPhar	Phụ trách cửa hàng giới thiệu sản phẩm
Từ năm 2005 – nay	CT TNHH Dược phẩm Thiên Khánh	Giám đốc
Từ năm 2006 – nay	CTCP Dược phẩm Tipharco	Thành viên HĐQT

11. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác):

- Giám đốc CT TNHH Dược phẩm Thiên Khánh.
- Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Tipharco.

12. Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 1.792.930 cổ phiếu, trong đó:

- Số lượng cổ phiếu do cá nhân trực tiếp sở hữu: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu do được đại diện phần vốn góp: 1.792.930 cổ phiếu

Tôi xin cam đoan có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật

Việt Nam và xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2021

SƠ YẾU LÝ LỊCH

*(Dùng để tham gia làm ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco)*

1. Họ và tên: HUỖNH THỊ NGUYỄN THỦY
2. Giới tính: Nam: Nữ:
3. Ngày sinh: 08/11/1974
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. CMND/Căn cước số: 062174000002 Ngày cấp: 13/09/2016 Nơi cấp: HCM
6. Địa chỉ thường trú: 47D Hoa Lan, P.2, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM.
7. Số điện thoại liên lạc: 0984000777
8. Trình độ văn hoá: 12/12
9. Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại Học
10. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1999 – năm 2003	Làm việc tại Bệnh viện đa khoa Tỉnh Kon Tum – Khoa Dược	
Từ năm 2004 – năm 2006	Làm việc tại CTCP Dược TW Medipharco Tenamyd – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	
Từ năm 2007 - nay	CTCP Dược Vật Tư Y Tế Kon Tum	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
Từ năm 2012 - nay	CTCP Dược phẩm Tipharco	Thành viên HĐQT
Từ 2016 - nay	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Y Tế KonTum	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

11. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác):

- Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc CTCP Dược Vật Tư Y Tế Kon Tum
- Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Tipharco

12. Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 1.541.451 cổ phiếu, trong đó:

- Số lượng cổ phiếu do cá nhân trực tiếp sở hữu: 1.541.451 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu do được đại diện phần vốn góp: 0 cổ phiếu

Tôi xin cam đoan có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật Việt Nam và xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Uallh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2021

SƠ YẾU LÝ LỊCH

*(Dùng để tham gia làm ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco nhiệm kỳ 2021-2025)*

1. Họ và tên: PHẠM PHƯỚC ĐỨC
2. Giới tính: Nam: Nữ:
3. Ngày sinh: 06/06/1974
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. CMND/Căn cước số: 001074008078, Ngày cấp: 14/01/2016.
Nơi cấp: Cục CS ĐKQL Cư Trú và DLQG về Dân Cư
6. Địa chỉ thường trú: 49/3 Hoàng Dư Khương, Phường 12, Quận 10, Tp. HCM
7. Số điện thoại liên lạc: 0949839708
8. Trình độ văn hoá: 12/12
9. Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư máy tính

Bằng cấp	Chuyên ngành	Năm tốt nghiệp	Thời gian đào tạo	Cơ sở đào tạo
Kỹ Sư	Máy tính	1997	1992-1997	Đại học Bách Khoa Tp. HCM
Chứng chỉ	Quản lý CEO	2007	2006-2007	Trường Doanh nhân PACE
Chứng chỉ	Quản lý CCO	2010	2009-2010	Trường Doanh nhân PACE
Chứng chỉ	Quản lý CFO	2013	2012-2013	Trường Doanh nhân PACE

10. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1997 - 2006	Global CyberSoft (Việt Nam)	Trưởng phòng Phát Triển (Phần Mềm)
2006 - 2009	Công ty CP Dược Phẩm Châu Âu	Quản lý Dự Án (Xây dựng nhà máy)
2009 - 2013	Công ty CP Dược Phẩm Euvipharm	Giám Đốc Kinh Doanh
2013 - 2016	Công ty CP Dược Phẩm Euvipharm – Thành Viên Tập Đoàn Valeant	Giám đốc hoạt động
29/05/2020- nay	Công ty CPDP Tipharco	TV Hội đồng quản trị

11. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác):

12. Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 52.048 cổ phiếu, trong đó:

- Số lượng cổ phiếu do cá nhân trực tiếp sở hữu: 52.048 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu do được đại diện phần vốn góp: 0 cổ phiếu

Tôi xin cam đoan có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật Việt Nam và xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)



Phạm Phú Đạt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tiền Giang, ngày 29 tháng 04 năm 2021

SƠ YẾU LÝ LỊCH

*(Dùng để tham gia làm ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco)*

1. Họ và tên: ĐẶNG THỊ XUÂN QUYÊN
2. Giới tính: Nam: Nữ:
3. Ngày sinh: 19/02/1978
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. CMND/Căn cước số: 311531212 Ngày cấp: 01/08/2015 Nơi cấp: CA. Tiền Giang
6. Địa chỉ thường trú: 656 Ấp Bắc, P.5, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang
7. Số điện thoại liên lạc: 0908670740
8. Trình độ văn hoá: 12/12
9. Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại Học
10. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 09/03/2002 – 24/05/2003	CT Dược và Vật Tư Y Tế Tiền Giang	Nhân viên Xưởng Nonbetalactam
Từ 25/05/2003 – 31/10/2004	CT Dược và Vật Tư Y Tế Tiền Giang	Nhân viên Phòng Nghiên cứu phát triển (RD)
Từ 01/11/2004 – 31/07/2005	CT Dược và Vật Tư Y Tế Tiền Giang	Phó Phòng Nghiên cứu phát triển (RD)
Từ 01/08/2005 – 15/04/2013	CTCP Dược phẩm Tipharco	Trưởng Phòng đảm bảo chất lượng (QA)
Từ 15/04/2013 – 28/05/2020	CTCP Dược phẩm Tipharco	Phó Tổng Giám đốc
Từ 29/05/2020 – 31/12/2020	CTCP Dược phẩm Tipharco	TV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Từ 01/01/2021 – nay	CTCP Dược phẩm Tipharco	TV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

11. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác): Không
12. Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 43.704 cổ phiếu, trong đó:

- Số lượng cổ phiếu do cá nhân trực tiếp sở hữu: 43.704 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu do được đại diện phân vốn góp: 0 cổ phiếu

Tôi xin cam đoan có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật Việt Nam và xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)



Dặng Thị Xuân Quyền

Tiền Giang, ngày 21 tháng 04 năm 2021

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng để tham gia làm ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco)

1. Họ và tên: DƯƠNG THỊ THÚY LIỄU
2. Giới tính: Nam: Nữ:
3. Ngày sinh: 01/01/1986
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. CMND/Căn cước số: 311881372 Ngày cấp: 10/8/2016 Nơi cấp: CA. Tiền Giang
6. Địa chỉ thường trú: Tân Hòa, Tân Hội Đông, Châu Thành, Tiền Giang
7. Số điện thoại liên lạc: 0906458946
8. Trình độ văn hoá: 12/12
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
10. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 11/2007 – tháng 10/2008	CTCP Đầu Tư Xây Dựng Viễn Thông Hoàng Hưng	Kế toán tổng hợp
Từ 01/08/2009 – 24/03/2011	Trung tâm Dược phẩm Mỹ Tho thuộc CTCP Dược phẩm Tipharco	Nhân viên kế toán
Từ 25/03/2011 – nay	CTCP Dược phẩm Tipharco	Trưởng BKS

11. Các chức danh quản lý khác: Không
12. Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 585 cổ phiếu, trong đó:
 - Số lượng cổ phiếu do cá nhân trực tiếp sở hữu: 585 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu do được đại diện phần vốn góp: 0 cổ phiếu

Tôi xin cam đoan có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật Việt Nam và xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)


Dương Thị Thúy Liễu

Tiền Giang, ngày 29 tháng 04 năm 2021

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng để tham gia làm ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco)

1. Họ và tên: Lê Thị Phương Loan
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 12.01.1984
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. CMND/Căn cước số: 311746250 Ngày cấp: 09.08.2014 Nơi cấp: CA Tiền Giang
6. Địa chỉ thường trú: ấp Mỹ Hòa, xã Mỹ Phong, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang
7. Số điện thoại liên lạc: 0939577528
8. Trình độ văn hoá: 12/12
9. Trình độ chuyên môn: Dược sĩ đại học
10. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/2006 đến 05/2011	Công ty CPDP Tipharco	Nhân viên phòng QA
06/2011 đến 08/2015	Trường Đại học Y Dược TP.HCM	Sinh viên
09/2015 đến 11/2015	Công ty CPDP Tipharco	Nhân viên phòng QC
12/2015 đến 12/2016	Công ty CPDP Tipharco	Nhân viên xưởng sản xuất Non-betalactam
01/2017 đến 09/2017	Công ty CPDP Tipharco	Kỹ thuật viên xưởng sản xuất Non-betalactam
10/2017 đến 02/2019	Công ty CPDP Tipharco	Phụ trách xưởng dược liệu
03/2019 đến nay	Công ty CPDP Tipharco	Trưởng xưởng dược liệu

- 11...Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác): Không
12. Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 3638 cổ phiếu, trong đó:
 - Số lượng cổ phiếu do cá nhân trực tiếp sở hữu: 3638 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu do được đại diện phần vốn góp: 0 cổ phiếu

Tôi xin cam đoan có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật Việt Nam và xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Lê Thị Phương Loan', written in a cursive style.

Lê Thị Phương Loan

Tiền Giang, ngày 29 tháng 04 năm 2021

SƠ YẾU LÝ LỊCH

*(Dùng để tham gia làm ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco)*

1. Họ và tên: TRẦN HOÀNG QUÂN
2. Giới tính: Nam: Nữ:
3. Ngày sinh: 25/07/1979
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. CMND/Căn cước số: 311535730 Ngày cấp: 28/12/2011 Nơi cấp: CA. Tiền Giang
6. Địa chỉ thường trú: Tân Hương, Châu Thành, Tiền Giang
7. Số điện thoại liên lạc: 0942172267
8. Trình độ văn hoá: 12/12
9. Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại học
10. Quá trình công tác:


Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 26/07/2001 – 16/09/2007	Trung tâm mua bán thuốc Châu Thành, Tiền Giang	Nhân viên bán hàng
Từ 01/09/2011 – 28/02/2012	CTCP Dược phẩm Tipharco	Nhân viên sản xuất
Từ 01/03/2012 – 14/04/2013	CTCP Dược phẩm Tipharco	Kỹ thuật viên Xưởng sản xuất
Từ 15/04/2013 – 31/03/2014	CTCP Dược phẩm Tipharco	Phó Phòng đảm bảo chất lượng
Từ 01/04/2014 – nay	CTCP Dược phẩm Tipharco	Trưởng Phòng đảm bảo chất lượng
Từ năm 2012 – nay	CTCP Dược phẩm Tipharco	Thành viên BKS
Từ 01/11/2020 - nay	CTCP Dược phẩm Tipharco	Giám đốc chất lượng kiêm Thành viên BKS

11. Các chức danh quản lý khác: Không
12. Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 11.700 cổ phiếu, trong đó:
 - Số lượng cổ phiếu do cá nhân trực tiếp sở hữu: 11.700 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu do được đại diện phần vốn góp: 0 cổ phiếu

Tôi xin cam đoan có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật

Việt Nam và xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)



Phan Hồng Quân



PHỤ LỤC HƯỚNG DẪN BẦU DÒN PHIẾU

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020

và nhiệm kỳ 2021 – 2025 Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco

(Kèm theo Quy chế bầu cử ngày 29 tháng 04 năm 2021)

1. Tổ chức bầu cử:

- Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát (BKS) được tiến hành bằng cách bỏ phiếu kín với yêu cầu: Phiếu bầu được in thống nhất, có quyền bầu cho từng cổ đông/đại diện cổ đông đủ điều kiện biểu quyết, có đóng dấu của Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Tipharco.

- Tất cả cổ đông/đại diện cổ đông của Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Tipharco tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020 và nhiệm kỳ 2021 - 2025 đều được quyền tham gia bầu cử.

2. Nguyên tắc bầu cử:

- Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

• Bầu thành viên HĐQT:

Số quyền bầu cử của cổ đông bằng số cổ phần hiện tại cổ đông đang sở hữu/đại diện ủy quyền (nếu có) nhân (X) với 06 (số thành viên được bầu của HĐQT).

- Tại ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020 và nhiệm kỳ 2021 – 2025 ngày 21/05/2021, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu **06 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2025:**

Số quyền bầu TV = Tổng số cổ phần nắm giữ hoặc X 06
HĐQT của cổ đông đại diện ủy quyền

Ví dụ minh họa cách bầu dồn phiếu:

Cổ đông A đang sở hữu 100 cổ phần thì số quyền bầu của cổ đông A như sau:

+ Số quyền bầu cử HĐQT: $100 \times 06 = 600$ quyền bầu HĐQT

Cổ đông A tiến hành chọn ứng cử viên bằng cách ghi số quyền bầu của mình cho ứng cử viên mình chọn sao cho **tổng cộng số quyền bầu cho ứng viên mà cổ đông chọn bằng hoặc nhỏ hơn với tổng số quyền bầu của cổ đông.**



Cổ đông có thể dồn hết số quyền bầu cho 1 ứng cử viên hoặc phân phối số quyền bầu cho mỗi ứng viên có thể khác nhau, tùy thuộc vào sự tín nhiệm đối với ứng viên đó. Bầu tối đa là 06 người thành viên HĐQT.

TT	Họ và tên ứng viên HĐQT	Các cách thức bầu dồn phiếu khác nhau, cổ đông chỉ được lựa chọn 1 trong 3 cách bầu sau:		
		Cách 1: chia đều số quyền bầu cho tất cả các ứng viên	Cách 2: chia quyền bầu khác nhau cho một số ứng viên	Cách 3: dồn tất cả quyền bầu cho 1 ứng viên
1	Nguyễn Văn A	100	50	600
2	Nguyễn Văn B	100	100	0
3	Nguyễn Văn C	100	150	0
4	Nguyễn Văn D	100	100	0
5	Nguyễn Văn E	100	100	0
6	Nguyễn Văn F	100	100	0
	Tổng cộng	600	600	600
<i>Lưu ý: Tổng số quyền bầu không vượt quá quyền bầu của cổ đông</i>				

Nguyên tắc bầu cử thành viên HĐQT: Chọn 06 thành viên HĐQT theo số quyền bầu từ cao xuống thấp đến khi đủ số thành viên quy định.

• **Bầu thành viên BKS:**

Số quyền bầu cử của cổ đông bằng số cổ phần hiện tại cổ đông đang sở hữu/đại diện ủy quyền (nếu có) nhân (X) với 03 (số thành viên được bầu của BKS).

- Tại ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020 và nhiệm kỳ 2021 – 2025 ngày 21/05/2021, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu **03 thành viên BKS nhiệm kỳ 2021-2025:**

$$\begin{array}{l} \text{Số quyền bầu TV} \\ \text{BKS của cổ đông} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số cổ phần nắm giữ hoặc} \\ \text{đại diện ủy quyền} \end{array} \times 03$$

Ví dụ minh họa cách bầu dồn phiếu:

Cổ đông A đang sở hữu 100 cổ phần thì số quyền bầu của cổ đông A như sau:

+ Số quyền bầu cử BKS: $100 \times 03 = 300$ quyền bầu BKS

Cổ đông A tiến hành chọn ứng cử viên bằng cách ghi số quyền bầu của mình cho ứng cử viên mình chọn sao cho **tổng cộng số quyền bầu cho ứng viên mà cổ đông chọn bằng hoặc nhỏ hơn với tổng số quyền bầu của cổ đông.**

Cổ đông có thể dồn hết số quyền bầu cho 1 ứng cử viên hoặc phân phối số quyền bầu cho mỗi ứng viên có thể khác nhau, tùy thuộc vào sự tín nhiệm đối với ứng viên đó. Bầu tối đa là 03 thành viên BKS.

TT	Họ và tên ứng viên BKS	Các cách thức bầu dồn phiếu khác nhau, cổ đông chỉ được lựa chọn 1 trong 3 cách bầu sau:		
		Cách 1: chia đều số quyền bầu cho tất cả các ứng viên	Cách 2: chia quyền bầu khác nhau cho một số ứng viên	Cách 3: dồn tất cả quyền bầu cho 1 ứng viên
1	Nguyễn Văn A	100	150	300
2	Nguyễn Văn B	100	50	0
3	Nguyễn Văn C	100	100	0
	Tổng cộng	300	300	300
<i>Lưu ý: Tổng số quyền bầu không vượt quá quyền bầu của cổ đông</i>				

Nguyên tắc bầu cử thành viên BKS: Chọn 03 thành viên BKS theo số quyền bầu từ cao xuống thấp đến khi đủ số thành viên quy định.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020
VÀ NHIỆM KỲ 2021-2025**

**PHIẾU BẦU THÀNH VIÊN HĐQT NHIỆM KỲ 2021 – 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO**

I. Thông tin đại biểu tham gia bầu cử

- Họ và tên Đại biểu:
- Mã đại biểu:
- Số lượng cổ phần sở hữu: cổ phần
- Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần đại diện: cổ phần
- Số lượng thành viên HĐQT phải bầu: 06 thành viên
- **Tổng số quyền bầu: quyền bầu**

II. Phân bầu cử:

STT	Họ tên ứng cử viên	Số quyền bầu
1.	Phạm Quang Bình	
2.	Phạm Trung Nghĩa	
3.	Nguyễn Văn Tám	
4.	Huỳnh Thị Nguyên Thủy	
5.	Phạm Phước Đức	
6.	Đặng Thị Xuân Quyên	
	Tổng cộng	

III. Hướng dẫn:

- Cổ đông có quyền biểu quyết hết toàn bộ hoặc một phần tổng số quyền bầu của mình cho từ 1 đến 6 ứng viên, phần quyền bầu còn lại có thể không bầu cho bất kỳ thành viên nào. Tổng số quyền bầu cho các ứng viên cộng lại **không được quá** quyền bầu ghi ở phần thông tin cổ đông.

- Không bầu cho ứng viên nào phải có dấu gạch chéo (x) vào ô số quyền bầu của ứng viên đó.

- Số quyền bầu cho mỗi ứng viên có thể khác nhau tùy thuộc vào mức độ tín nhiệm của cổ đông đối với ứng viên đó.

Mỹ Tho, ngày 21 tháng 05 năm 2021

Cổ đông / Người được ủy quyền

(Ký và ghi rõ họ tên)

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020
VÀ NHIỆM KỲ 2021-2025
PHIẾU BẦU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2021 – 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO**

I. Thông tin đại biểu tham gia bầu cử

- Họ và tên Đại biểu:
- Mã đại biểu:
- Số lượng cổ phần sở hữu: cổ phần
- Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần đại diện: cổ phần
- Số lượng thành viên BKS phải bầu: 03 thành viên
- **Tổng số quyền bầu: quyền bầu**

II. Phân bầu cử:

STT	Họ tên ứng cử viên	Số quyền bầu
1.	Dương Thị Thúy Liễu	
2.	Lê Thị Phương Loan	
3.	Trần Hoàng Quân	
	Tổng cộng	

III. Hướng dẫn:

- Cổ đông có quyền biểu quyết hết toàn bộ hoặc một phần tổng số quyền bầu của mình cho từ 1 đến 3 ứng viên, phần quyền bầu còn lại có thể không bầu cho bất kỳ thành viên nào. Tổng số quyền bầu cho các ứng viên cộng lại **không được quá** quyền bầu ghi ở phần thông tin cổ đông.

- Không bầu cho ứng viên nào phải có dấu gạch chéo (x) vào ô số quyền bầu của ứng viên đó.

- Số quyền bầu cho mỗi ứng viên có thể khác nhau tùy thuộc vào mức độ tín nhiệm của cổ đông đối với ứng viên đó.

Mỹ Tho, ngày 21 tháng 05 năm 2021

Cổ đông / Người được ủy quyền

(Ký và ghi rõ họ tên)

Dự thảo**NGHỊ QUYẾT****ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020 VÀ
NHIỆM KỲ 2021-2025 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO**

Căn cứ Điều lệ Tổ chức - hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco;

Căn cứ các tờ trình, báo cáo do Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020 và nhiệm kỳ 2021-2025 ngày 21/05/2021;

Căn cứ biên bản số:...../BBĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020 và nhiệm kỳ 2021-2025 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco ngày 21/05/2021.

QUYẾT NGHỊ:**I. THÔNG QUA CÁC BÁO CÁO ĐÃ TRÌNH TRƯỚC ĐẠI HỘI:****1. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020, nhiệm kỳ năm 2016-2020, kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ năm 2021-2025:**

Theo báo cáo số 185-BC/HĐQT ngày 29/04/2021 của HĐQT.

*** Kết quả biểu quyết Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020, nhiệm kỳ năm 2016-2020, kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ năm 2021-2025:**

Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết :.....CP. Trong đó,

- Số phiếu tán thành :CP, chiếm tỉ lệ%
- Số phiếu không tán thành : CP, chiếm tỉ lệ%
- Số phiếu không có ý kiến :CP, chiếm tỉ lệ%
- Số phiếu có ý kiến khác : CP, chiếm tỉ lệ%
- Số phiếu không hợp lệ : CP, chiếm tỉ lệ%

2. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

Theo Báo cáo số 302/TIPHARCO ngày 29/04/2021 của Tổng Giám đốc.

*** Kết quả biểu quyết Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:**

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết :.....CP. Trong đó,
- Số phiếu tán thành :CP, chiếm tỉ lệ%
 - Số phiếu không tán thành : CP, chiếm tỉ lệ%
 - Số phiếu không có ý kiến :CP, chiếm tỉ lệ%
 - Số phiếu có ý kiến khác : CP, chiếm tỉ lệ%
 - Số phiếu không hợp lệ : CP, chiếm tỉ lệ%

3. Báo cáo của Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2020 và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2021-2025:

Theo báo cáo ngày 28/04/2021 của Ban Kiểm soát.

*** Kết quả biểu quyết Báo cáo của Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2020 và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2021-2025:**

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết :.....CP. Trong đó,
- Số phiếu tán thành :CP, chiếm tỉ lệ%
 - Số phiếu không tán thành : CP, chiếm tỉ lệ%
 - Số phiếu không có ý kiến :CP, chiếm tỉ lệ%
 - Số phiếu có ý kiến khác : CP, chiếm tỉ lệ%
 - Số phiếu không hợp lệ : CP, chiếm tỉ lệ%

4. Báo cáo kiểm toán độc lập của Công ty Kiểm toán năm 2020:

Báo cáo kiểm toán độc lập số 069/2021/BCKT-CT.00007 ngày 25/03/2021 của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - CN Cần Thơ.

*** Kết quả biểu quyết báo cáo kiểm toán độc lập năm 2020 số 069/2021/BCKT-CT.00007 ngày 25/03/2021 của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam-CN Cần Thơ.**

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết :.....CP. Trong đó,
- Số phiếu tán thành :CP, chiếm tỉ lệ%
 - Số phiếu không tán thành : CP, chiếm tỉ lệ%
 - Số phiếu không có ý kiến :CP, chiếm tỉ lệ%
 - Số phiếu có ý kiến khác : CP, chiếm tỉ lệ%
 - Số phiếu không hợp lệ : CP, chiếm tỉ lệ%

5. Báo cáo trích lập, sử dụng, hoàn nhập Quỹ Phát triển Khoa học và công nghệ:

Theo Báo cáo số 190-BC/HĐQT ngày 29/04/2021 của HĐQT.

*** Kết quả biểu quyết Báo cáo trích lập, sử dụng, hoàn nhập Quỹ Phát triển Khoa học và công nghệ:**

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết :.....CP. Trong đó,
- Số phiếu tán thành :CP, chiếm tỉ lệ%

- Số phiếu không tán thành :CP, chiếm tỉ lệ%
- Số phiếu không có ý kiến :CP, chiếm tỉ lệ%
- Số phiếu có ý kiến khác : CP, chiếm tỉ lệ%
- Số phiếu không hợp lệ : CP, chiếm tỉ lệ%

II. THÔNG QUA CÁC TỜ TRÌNH GỒM:

1. Tờ trình đề nghị phân phối lợi nhuận năm 2020:

Theo tờ trình số 187-TTr/HĐQT ngày 29/04/2021 của HĐQT.

*** Kết quả biểu quyết phân phối lợi nhuận năm 2020:**

Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết :.....CP. Trong đó,

- Số phiếu tán thành :CP, chiếm tỉ lệ%
- Số phiếu không tán thành : CP, chiếm tỉ lệ%
- Số phiếu không có ý kiến :CP, chiếm tỉ lệ%
- Số phiếu có ý kiến khác : CP, chiếm tỉ lệ%
- Số phiếu không hợp lệ : CP, chiếm tỉ lệ%

2. Tờ trình dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2021:

Theo tờ trình số 188-TTr/HĐQT ngày 29/04/2021 của HĐQT.

*** Kết quả biểu quyết dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2021:**

Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết :.....CP. Trong đó,

- Số phiếu tán thành :CP, chiếm tỉ lệ%
- Số phiếu không tán thành : CP, chiếm tỉ lệ%
- Số phiếu không có ý kiến :CP, chiếm tỉ lệ%
- Số phiếu có ý kiến khác : CP, chiếm tỉ lệ%
- Số phiếu không hợp lệ : CP, chiếm tỉ lệ%

3. Tờ trình mức chi thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký năm 2020, dự toán mức chi thù lao HĐQT, BKS, Thư ký - Người phụ trách quản trị công ty năm 2021:

Theo tờ trình số 189-TTr/HĐQT ngày 29/04/2021 của HĐQT.

*** Kết quả biểu quyết mức chi thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký năm 2020, dự toán mức chi thù lao HĐQT, BKS, Thư ký - Người phụ trách quản trị công ty năm 2021:**

Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết :.....CP. Trong đó,

- Số phiếu tán thành :CP, chiếm tỉ lệ%
- Số phiếu không tán thành : CP, chiếm tỉ lệ%
- Số phiếu không có ý kiến :CP, chiếm tỉ lệ%
- Số phiếu có ý kiến khác : CP, chiếm tỉ lệ%

- Số phiếu không hợp lệ : CP, chiếm tỉ lệ%

4. Tờ trình chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021:

Theo tờ trình ngày 28/04/2021 của Trưởng Ban Kiểm soát.

*** Kết quả biểu quyết về việc chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021:**

Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết :.....CP. Trong đó,

- Số phiếu tán thành :CP, chiếm tỉ lệ%

- Số phiếu không tán thành : CP, chiếm tỉ lệ%

- Số phiếu không có ý kiến :CP, chiếm tỉ lệ%

- Số phiếu có ý kiến khác : CP, chiếm tỉ lệ%

- Số phiếu không hợp lệ : CP, chiếm tỉ lệ%

5. Tờ trình về việc bổ sung, điều chỉnh ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco:

Theo tờ trình 192A-TTr/HĐQT ngày 29/04/2021 của HĐQT.

*** Kết quả biểu quyết về việc bổ sung, điều chỉnh ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco:**

Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết :.....CP. Trong đó,

- Số phiếu tán thành :CP, chiếm tỉ lệ%

- Số phiếu không tán thành : CP, chiếm tỉ lệ%

- Số phiếu không có ý kiến :CP, chiếm tỉ lệ%

- Số phiếu có ý kiến khác : CP, chiếm tỉ lệ%

- Số phiếu không hợp lệ : CP, chiếm tỉ lệ%

6. Tờ trình về việc thông qua Điều lệ sửa đổi, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sửa đổi của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco:

Theo tờ trình 195-TTr/HĐQT ngày 19/05/2021.

*** Kết quả biểu quyết về việc thông qua Điều lệ sửa đổi, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sửa đổi của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco**

Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết :.....CP. Trong đó,

- Số phiếu tán thành :CP, chiếm tỉ lệ%

- Số phiếu không tán thành : CP, chiếm tỉ lệ%

- Số phiếu không có ý kiến :CP, chiếm tỉ lệ%

- Số phiếu có ý kiến khác : CP, chiếm tỉ lệ%

- Số phiếu không hợp lệ : CP, chiếm tỉ lệ%

7. Tờ trình về việc thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco:

Theo tờ trình 196-TTr/HĐQT ngày 19/05/2021.

*** Kết quả biểu quyết về việc thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco**

Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết :.....CP. Trong đó,

- Số phiếu tán thành :CP, chiếm tỉ lệ%
- Số phiếu không tán thành : CP, chiếm tỉ lệ%
- Số phiếu không có ý kiến :CP, chiếm tỉ lệ%
- Số phiếu có ý kiến khác : CP, chiếm tỉ lệ%
- Số phiếu không hợp lệ : CP, chiếm tỉ lệ%

8. Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2016-2020 và bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021-2025:

Theo tờ trình 193-TTr/HĐQT ngày 29/04/2021 của HĐQT.

*** Kết quả biểu quyết về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2016-2020 và bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021-2025:**

Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết :.....CP. Trong đó,

- Số phiếu tán thành :CP, chiếm tỉ lệ%
- Số phiếu không tán thành : CP, chiếm tỉ lệ%
- Số phiếu không có ý kiến :CP, chiếm tỉ lệ%
- Số phiếu có ý kiến khác : CP, chiếm tỉ lệ%
- Số phiếu không hợp lệ : CP, chiếm tỉ lệ%

9. Nghị quyết HĐQT về danh sách đề cử bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021-2025:

Theo Nghị quyết số 194-NQ/HĐQT ngày 29/04/2021 của HĐQT.

*** Kết quả biểu quyết Nghị quyết HĐQT về danh sách đề cử bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021-2025:**

Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết :.....CP. Trong đó,

- Số phiếu tán thành :CP, chiếm tỉ lệ%
- Số phiếu không tán thành : CP, chiếm tỉ lệ%
- Số phiếu không có ý kiến :CP, chiếm tỉ lệ%
- Số phiếu có ý kiến khác : CP, chiếm tỉ lệ%
- Số phiếu không hợp lệ : CP, chiếm tỉ lệ%

III. ỦY QUYỀN:

Đại hội đồng cổ đông giao quyền cho HĐQT triển khai và thực hiện các nội dung đã được thông qua tại Đại hội theo đúng Điều lệ quy định tại Công ty và

pháp luật hiện hành. Ban Kiểm soát có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc triển khai và thực hiện các nội dung đã được thông qua tại đại hội.

Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020 và nhiệm kỳ 2021-2025 ngày 21/05/2021 thông qua và được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị như nhau.

**TM. ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020
VÀ NHIỆM KỲ 2021-2025
CHỦ TỌA
CHỦ TỊCH HĐQT**

Phạm Quang Bình

PHIẾU BIỂU QUYẾT
Các vấn đề tại ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020
và nhiệm kỳ 2021-2025

- Họ và tên Đại biểu:
- Mã đại biểu:
- Số lượng cổ phần sở hữu: cổ phần
- Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần đại diện: cổ phần

STT	Nội dung	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020, nhiệm kỳ năm 2016-2020, Kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ năm 2021-2025. (BC số 185-BC/HĐQT ngày 29/04/2021)			
2	Báo cáo kết quả SXKD năm 2020, Kế hoạch SXKD năm 2021. (BC số 302/TIPHARCO ngày 29/04/2021)			
3	Báo cáo của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2020 và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2021-2025. (Báo cáo ngày 28/04/2021)			
4	Báo cáo kiểm toán độc lập năm 2020. (BC 069/2021/BCKT-CT.00007 ngày 25/03/2021)			
5	Tờ trình chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021. (TT ngày 28/04/2021)			
6	Tờ trình đề nghị Phân phối lợi nhuận năm 2020. (TT số 187-TTr/HĐQT ngày 29/04/2021)			
7	Tờ trình Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2021 (TT số 188-TTr/HĐQT ngày 29/04/2021)			
8	Tờ trình mức chi thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký năm 2020 và dự toán mức chi thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký-Người phụ trách quản trị công ty năm 2021. (TT số 189-TTr/HĐQT ngày 29/04/2021)			

9	Báo cáo trích lập, sử dụng, hoàn nhập Quỹ Phát Triển KH và CN. (<i>Báo cáo số 190-BC/HĐQT ngày 29/04/2021</i>)			
10	Tờ trình bổ sung, điều chỉnh ngành nghề kinh doanh của Công ty CPDP Tipharco. (<i>TT số 192A-TTr/HĐQT ngày 29/04/2021</i>)			
11	Tờ trình về việc thông qua Điều lệ sửa đổi, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sửa đổi của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco. (<i>TT số 195-TTr/HĐQT ngày 19/05/2021 (Đính kèm Điều lệ sửa đổi, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sửa đổi của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco)</i>)			
12	Tờ trình về việc thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco. (<i>TT 196-TTr/HĐQT ngày 19/05/2021 (Đính kèm Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco)</i>)			
13	Tờ trình về việc miễn nhiệm TV HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2016-2020 và bầu TV HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021-2025. (<i>TT số 193-TTr/HĐQT ngày 29/04/2021</i>)			
14	Nghị quyết HĐQT về danh sách đề cử bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021-2025. (<i>NQ số 194-NQ/HĐQT ngày 29/04/2021</i>)			

Ghi chú: Quý đại biểu đánh dấu (x) vào 1 trong 3 ô theo dòng thứ tự đã chọn.
Nếu Quý cổ đông có ý kiến khác ngoài 3 cột nêu trên thì ghi tóm tắt sau đây:

.....
.....
.....
.....
.....

Mỹ Tho, ngày 21 tháng 05 năm 2021
Cổ đông /Người được ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên)